**TRƯỜNG THCS NGUYỄN KHUYẾN**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY HỌC THÊM**

**MÔN: NGỮ VĂN 6 KÌ I (2023 – 2024)**

**GV: NÔNG THỊ UYÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGUYỄN KHUYẾN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
|  | | *Đường 10, ngày 06 tháng 10 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH DẠY THÊM - VĂN 6**

**HỌC KỲ 1**

**( Học kì 1: 12 tuần × 3 tiết = 36 tiết )**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TUẦN** | **BÀI HỌC / CHỦ ĐỀ** | **GHI CHÚ** |
| **1** | 1  2  3 | **Bài 1: Lắng nghe lịch sử nước mình**  Ôn tập văn bản Thánh Gióng.  Ôn tập văn bản Sự Tích Hồ Gươm.  Ôn tập văn bản Sự Tích Hồ Gươm. |  |
| **2** | 4  5,6 | Ôn tập: chủ điểm hội thổi cơm thi ở Đồng Vân  Ôn tập Thực hành tiếng việt ( Từ đơn, Từ phức, Thành ngữ) |  |
| **3** | 7  8  9 | Ôn tập: Bánh chưng, bánh giầy  Ôn tập: Tóm tắt nội dung chính của một văn bản bằng sơ đồ  **Bài 2: Miền cổ tích**  Ôn tập truyện cổ tích Sọ Dừa |  |
| **4** | 10  11  12 | Ôn tập truyện cổ tích Em bé thông minh  Ôn tập: Viết kể lại một truyện cổ tích  Ôn tập Thực hành tiếng việt ( Trạng ngữ) |  |
| **5** | 13  14  15 | **Bài 3: Vẻ đẹp quê hương**  Ôn tập văn bản: Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương  Ôn tập: Việt Nam quê hương ta  Ôn tập văn bản: bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bê tê đồng” |  |
| **6** | 16  17  18 | Ôn tập thực hành Tiếng Việt (Lựa chọn từ ngữ…)  Ôn tập giữa HKI  Ôn tập thơ lục bát. |  |
| **7** | 19,20  21 | **Bài 4: Những trải nghiệm trong đời**  Ôn tập văn bản: Bài học đường đời đầu tiên  Ôn tập văn bản: Giọt sương đêm |  |
| **8** | 22,23  24 | Ôn tập văn bản : Giọt sương đêm (tt)  Ôn tập: đọc kết nối chủ điểm Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  Ôn tập: thực hành Tiếng Việt |  |
| **9** | 25  26  27 | Ôn tập: mở rộng theo thể loại Cô gió mất tên  Ôn tập: viết kể lại một trải nghiệm của bản thân  Ôn tập: viết kể lại một trải nghiệm của bản thân (tiếp theo) |  |
| **10** | 28  29  30 | Ôn tập truyện đồng thoại.  **Bài 5: Trò chuyện cùng thiên nhiên**  Ôn tập văn bản: Lao xao ngày hè  Ôn tập: văn bản : thương nhớ bầy ong - đánh thức trầu |  |
| **11** | 31  32,33 | Thực hành Tiếng Việt  Ôn tập: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt |  |
| **12** | 34,35  36 | Ôn tập tổng hợp cuối kì I.  Ôn tập tổng hợp cuối kì I |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần: 01

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:1,2

Bài 1. LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

ÔN TẬP VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:

- HS nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể tác phẩm.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện,lời của nhân vật.

- HS nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thánh Gióng.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án

Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Tranh ảnh về truyện Thánh Gióng

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em nghĩ thế nào về việc một cấu bé ba tuổi bỗng nhiên trở thành tráng sĩ?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được cách đọc, tóm tắt và chia bố cục văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Đọc, tóm tắt, bố cục VB  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Tóm tắt văn bản Thánh Gióng*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  HS tóm tắt các sự kiện chính trong văn bản.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  Như vậy, theo bố cục chúng ta vừa chia ở trên thì có các sự việc xoay quanh nhân vật Gióng. Vậy ở mỗi phần, thông qua hình tượng nhân vật Thánh Gióng nhân dân ta muốn gửi gắm điều gì? Để trả lời được câu hỏi đó, cô và các con sẽ đi tìm hiểu phần II. | *2. Đọc- kể tóm tắt*  - Nhân vật chính: Gióng.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  *3. Bố cục:* 4 phần  - P1: từ đầu… *nằm đấy* : Sự ra đời kỳ lạ của Gióng  - P2: Tiếp… *cứu nước*: Sự trưởng thành của Gióng  - P3: Tiếp… *lên trời*: Gióng đánh tan giặc và bay về trời  - P4: Còn lại: Những vết tích còn lại của Gióng. |

Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản/ Tìm hiểu nhân vật Gióng

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Sự ra đời của Gióng  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Liệt kê các chi tiết kì ảo gắn liền với các sự việc chính trong truyện TG.   |  |  | | --- | --- | | Các sự kiện chính | Chi tiết kì ảo | | TG ra đời | …………… | | TG lớn lên | ……………. | | TG ra trận và chiến thắng | …………… | | TG bay về trời | …………… |   - GV đặt câu hỏi gợi dẫn:  *+ Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.*  *Hãy tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng? Có những chi tiết nào là chi tiết hoang đường?*  *+ Sự ra đời và những biểu hiện khác thường của cậu bé dự báo sự việc sắp xảy ra như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Thời gian: đời HV thứ sáu  + Không gian: không gian làng quê   |  |  | | --- | --- | | Các sự  kiện chính | Chi tiết kì ảo | | TG ra đời | - Người mẹ ướm thử vết chân to, về nhà có thai  - Mười hai tháng sau, sinh ra Gióng, lên ba không biết nói cười | | TG lớn lên | - Sứ giả đi tìm người tài, Gióng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc  - Ăn bao nhiêu cũng không đủ no, cả làng góp gạo nuôi Gióng | | TG ra trận và chiến thắng | - Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ  - Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bụi tre đánh giặc | | TG bay về trời | - Sau khi đánh giặc, cả người cả ngựa bay về trời. |   Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV2: Tìm hiểu sự trưởng thành của Gióng  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi :  *+ Nhân vật Gióng đã nói gì với mẹ và sứ giả khi biết tin nhà vua đang tìm người đánh giặc cứu nước? Theo em vì sao sứ giả “vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ”?*  *- GV yêu cầu HS thảo luận* theo nhóm, ý nghĩa của các chi tiết:  *+ Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc*  *+ Bà con góp gạo nuôi Gióng*  *+ Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai trở thành tráng sĩ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV mở rộng:  *Tiếng nói đầu tiên của cậu bé là đòi đánh giặc:*  *- Bà con góp gạo nuôi chú bé.*  *- Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ:*  NV3 : Tìm hiểu Gióng đánh giặc và bay về trời  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Chiến công phi thường mà Gióng đã làm nên là gì?*  - HS tiếp tục thảo luận và nêu ý nghĩa của chi tiết:  *+ Ngựa sắn phun ra lửa, roi sắt quật vào giặc chết như ngả rả và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.*  *+ Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Gióng đã đánh tan quân giặc.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4: Tìm hiểu những dấu ấn còn lại  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã xả ra trong quá khứ? Tìm chi tiết đó.*  *+ Theo em, ý nghĩa của hình tượng TG là gì?*  *- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, hãy kẻ bảng, liệt kê các từ ngữ để chỉ nhân vật Gióng qua hai thời điểm: trước và sau khi trở thành tráng sĩ. Từ đó cho biết từ nào được lặp lại nhiều nhất và tác dụng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chiếu hình ảnh trên máy chiếu và chuẩn kiến thức:  NV5: Tổng kết văn bản  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi: *Truyện có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện?*  *Nhân vật truyền thuyết thường xuất hiện nhằm thực hiện một nhiệm vụ lớn lao. Nhiệm của của Gióng là gì và quan trọng thế nào ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Tìm hiểu chi tiết  *1. Sự ra đời của Gióng*  - Thời gian, địa điểm: vua Hùng thứ 6, tại làng Gióng.  - Vợ chồng ông lão phúc đức, hiếm muộn  - Bà mẹ ướm vào vết chân lạ  -> thụ thai  - Mang thai 12 tháng mới sinh  - Gióng lên ba: không biết nói, cười, không biết đi.  🡪 *Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường*  2. Sự trưởng thành của Gióng  - Hoàn cảnh: Giặc Ân xâm lược.  - Gióng cất tiếng nói muốn đi đánh giặc cứu nước.  🡪 Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi 🡪 sự trưởng thành để đáp ứng nhiệm vụ cao cả.  - Bà con góp gạo nuôi chú bé.  🡪 thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân.  3.3. Gióng đáng giặc và bay về trời  - Tư thế, hành động:  + phi thẳng đến nơi có giặc  + Đón đầu, giết hết lớp này đến lớp khác...  🡪 Sự oai phong, lẫm liệt, sức mạnh không thể địch nổi của tráng sĩ  3.4. Những dấu tích còn lại  - Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương  - Bụi tre đằng ngà  - Ao hồ liên tiếp  - Làng Cháy  🡪 Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân.  III. Tổng kết  *1. Nội dung – Ý nghĩa:*  \* *Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  \* *Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.  b. Nghệ thuật  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường). |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS trả lời bài tập:*

*Hãy hoàn thành bảng thông tin sau còn thiếu:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Giai đoạn* | *Chi tiết kì ảo* | *Ý nghĩa* |
| *Sự sinh ra và lớn lên* | *- ........................................*  *- ........................................*  *- ........................................* |  |
| *Ra trận và chiến thắng* | *- ........................................*  *- ........................................*  *- ..........................................* |  |
| *Bay về trời* | *- ..........................................*  *- ..........................................*  *- ..........................................* |  |

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:*

+ Sau khi đọc truyện Thánh Gióng, em có suy nghĩ gì về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

+ Vì sao Đại hội thể dục thể thao dành cho học sinh phổ thông Việt Nam được lấy tên là Hội khoẻ Phù Đổng?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

Ngày soạn: …/…/… Tuần: 01-02

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:3,4

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được các kiểu cấu tạo của từ tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ đơn, từ láy), chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

- Nhận biết được nghia của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời: *Phân loại theo cấu tạo, tiếng việt có những từ loại nào?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng việt.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1 :  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: Dựa vào kiến thức đã học từ tiểu học, hãy xác định các từ đơn, từ ghép, từ láy trong câu văn vào bảng sau  *a. Sứ giả/ vừa / kinh ngạc, / vừa / mừng rỡ,/ vội vàng / về / tâu / vua.*  *b. Từ/ngày/công chúa/bị/mất tích,/nhà vua/vô cùng/đau đớn.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Kiểu CT từ* | | *Ví dụ* | | Từ đơn | |  | | Từ phức | Từ ghép |  | | Từ  láy |  |   - Gv đặt tiếp câu hỏi: *Em hãy nhận xét số tiếng của các từ. Em hiểu thế nào là từ đơn, từ phức?*  *Dựa vào sơ đồ sau đây, hãy trình bày cấu tạo của từ*  Từ  Từ đơn  Từ phức  Từ ghép  Từ láy  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  + Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Kiểu CT từ* | | *Ví dụ* | | Từ đơn | | a. vừa, về, tâu, vua.  b. từ, ngày, bị. | | Từ phức | Từ ghép | a. sứ giả, kinh ngạc, mừng rỡ  b. công chúa, mất tích, nhà vua, vô cùng | | Từ  láy | a. vội vàng.  b. đau đớn. |   Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  NV2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức trò chơi cho HS: Đuổi hình bắt chữ  Quan sát các hình ảnh sau, đọc nhanh thành ngữ gợi ra từ hình ảnh đó.   |  |  | | --- | --- | | Năm Tân Sửu tìm hiểu thành ngữ “ Đàn gảy tai trâu” | Trâu buộc ghét trâu ăn - Hình ảnh mã số 332 - Đuổi hình bắt chữ | Lazi.vn -  Cộng đồng Tri thức & Giáo dục | | Đáp án game đuổi hình bắt chữ bằng hình ảnh phần 12 - 123itvn.com |  |   *- Từ hoạt động trên, hãy nêu những hiểu biết của em về thành ngữ*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Từ đơn và từ phức  *1. Từ đơn*  Từ đơn là từ chỉ có một tiếng,  *2.Từ phức (từ ghép, từ láy)*  - Từ phức là từ có hai hay nhiéu tiếng.  - Từ ghép là từ phức do hai hay nhiếu tiếng có quan hệ về nghĩa với nhau tạo thành.  + Từ láy là từ phức do hai hay nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau tạo thành.  II. Thành ngữ  Là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tình hình tượng và biểu cảm. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Bài tập 1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  NV2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *tìm từ ghép và từ láy trong đoạn văn.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: phanh phách, phành phạch…  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV3:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức trò chơi làm bài tập 3 và 4.  *Tổ 1,3: làm bài tập 3*  *Tổ 2,4: làm bài tập 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: nghĩa của các từ láy  NV4:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 7.  - GV hướng dẫn: Nối thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) sao cho phù hợp về nghĩa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  Bài tập 5,6, 8,9 : giao BTVN | Bài tập 1/ trang 27   |  |  | | --- | --- | | Từ đơn | Từ phức | | vùng, dậy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, vỗ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa | chú bé, tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt, vang dội, áo giáp |   Bài 2/ trang 27   |  |  | | --- | --- | | Từ phức | | | Từ ghép | Từ láy | | giã thóc, giần sàng, bắt đầu, dự thi, nồi cơm, cánh cung, dây lưng | nho nhỏ, khéo léo |   Bài 3/ trang 28: Tạo các từ ghép  a. con ngựa, ngựa đực  b. ngựa sắt, sắt thép  c. kì thi, thi đua  d. áo quần, áo giáp, áo dài  Bài 4/ trang 28: Tạo các từ láy  a. nho nhỏ, nhỏ nhắn  b. khoẻ khoắn  c. óng ánh (từ láy đặc biệt, vì cùng vắng khuyết phụ âm đầu).  Bài 7/ trang 29  Đáp án: 1c, 2đ, 3d, 4b, 5a |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) có sử dụng thành ngữ thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc xong các văn bản Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm.

GV hướng dẫn HS những yêu cầu của 1 đoạn văn, cách thức trình bày và nội dung thể hiện. Hướng dẫn HS tìm các thành ngữ phù hợp với nội dung các văn bản đã học và đưa vào bài viết. Yêu cầu HS viết và hoàn thiện ở nhà nếu chưa xong.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:02

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:5

VIẾT

ÔN TẬP TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA MỘT VĂN BẢN BẰNG SƠ ĐỒ

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản.

- Biết thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: Với một văn bản dài, để tóm tắt tác phẩm ngắn gọn và dễ hiểu, em sẽ sử dụng cách nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với sơ đồ tóm tắt văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của sơ đồ tóm tắt văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  *Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?*  *Theo em, một bài văn kể lại trải nghiệm theo ngôi thứ nhất cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm: Kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”. Tác dụng giúp câu chuyện trở nên chân thận, người kể có thể bộc lộ những suy nghĩ,tình cảm, tâm trạng của mình.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. Tìm hiểu chung  *1. Khái niệm*  - Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ là cách lược bỏ các ý phụ, thông tin chi tiế, chỉ giữ lại các ý chính , thông tin cốt lõi và thể hiện dưới dạng sơ đồ.  *2.* *Yêu cầu đối với sơ đồ tóm tắt văn bản*  - Yêu cầu đối với sơ đồ để tóm tắt văn bản:  *a. Yêu cầu về nội dung*  + Tóm lược đúng và đủ các sự việc, phần, đoạn, ý chính trong văn bản.  + Sử dụng các từ khoá, cụm từ.  + Thể hiện được quan hệ giữa các sự việc, phần, đoạn, ý chính trong văn bản,  + Thể hiện được nội dung bao quát của văn bản.  *b. Yêu cầu về hình thức*  + Kết hợp hài hoà, hợp lí giữa các từ khoá, mũi tên, kí hiệu  + Sáng rõ, có tính thẩm mĩ, giúp nắm bắt nội dung chính của văn bản một cách thuận lợi, rõ ràng. |

Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của sơ đồ tóm tắt văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ SHS/trang 32 và trả lời các câu hỏi:  *+ Sơ đồ đã tóm tắt đúng, đủ các phần, đoàn, ý chính của văn bản chưa?*  *+ Sơ đồ sử dụng các từ khoá, cụm từ chọn lọc chưa?*  *+ SĐ đã thể hiện được quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính chưa?*  *+ SĐ thể hiện được nội dung bao quát của văn bản chưa?*  *+ SĐ đã phù hợp với nội dugn của kiểu văn bản chưa?*  *+ Các trình bày đã đạt yêu cầu kết hợp hài hoà giữa các từ khoá, hình vẽ, mũi tên, trình bày sáng rõ, có tính thẩm mĩ chưa?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Phân tích ví dụ  - Sơ đồ tóm tắt văn bản Thánh Gióng đã đáp ứng được các yêu cầu về nội dung và hình thức. |

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các viết bài văn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SHS.  - Hướng dẫn HS làm bài: Hãy tóm tắt bằng sơ đồ một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc. Có thể lựa chọn văn bản trong chương trình: Sự tích Hồ Gươm; Bánh chưng, bánh giầy.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | III. Thực hành  - Quy trình viết gồm 3 bước:  + Bước 1: Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt  + Bước 2: Tóm tắt băn bản bằng sơ đồ  + Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ  - GV đưa ra sơ đồ mẫu truyện Bánh chưng, bánh giầy. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, dám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:02

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:6

ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS quan sát hình ảnh bánh chưng và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề: *Em đã từng tham gia thảo luận nhóm cùng bàn về một vấn đề để đưa ra giải pháp hay chưa? (ví dụ thảo luận và đưa ra nội quy lớp học). Hãy chia sẻ về lợi ích của việc thảo luận theo nhóm.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Thảo luận nhóm sẽ giúp cho ý kiến đưa ra có được những giải pháp tối ưu nhất nhờ vào sức mạnh tập thể. Không những vậy, thảo luận nhóm còn mang lại niềm vui khi tìm được tiếng nói chung giữa các thành viên trong nhóm. Bài học hôm nay chúng ta cùng thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nắm bắt được các bước tiến hành bài nói.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV phân chia lớp thành 6-8 nhóm. Các nhóm phân công trưởng nhóm, thư kí, phân công công việc các thành viên. Thống nhất nội dung thảo luận và thời gian hoàn thành.  - GV hướng dẫn HS thảo luận theo phương pháp khăn trải bàn: các cá nhân đưa ra ý kiến trong vòng 3 phút, sau đó thảo luận và điền vào kết quả chung.  Các kĩ thuật dạy học tích cực ~ Tư liệu Ngữ văn THCS  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | 1. Chuẩn bị bài nói  *1. Chuẩn bị*  - Thành lập nhóm và phân công công việc  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận.  - Thống nhất mục tiêu và thời gian buổi thảo luận. |

Hoạt động 2: Trình bày bài thảo luận

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận, đưa ra được giải pháp thống nhất.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: *theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.*  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | *2. Thảo luận*  - Trình bày ý kiến  - Phản hồi các ý kiến  - Thống nhất giải pháp |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS xem lại các vấn đề, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS tham khảo bài của các nhóm khác để có thêm hiểu biết.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:03

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:7,8

Bài 2. MIỀN CỔ TÍCH

ÔN TẬP VĂN BẢN: SỌ DỪA

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:

- Nhận biết được một số yếu tố của huyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được chủ đề của VB.

- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Sọ Dừa.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Sọ Dừa.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Tấm lòng bao dung, nhân ái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án

Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Tranh ảnh về truyện Sọ Dừa.

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  + Sọ Dừa *thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm?*  *+ Xác định nhân vật chính của truyện?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: yêu cầu đọc to rõ, ngắt nghỉ đúng chỗ, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật.  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. Lưu ý cần đọc phân biệt rõ lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *Sọ dừa, phàm trần, sửng sốt, rượu tăm, trạng nguyên.*  - HS lắng nghe.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV2: Tóm tắt, bố cục VB  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Tóm tắt văn bản Sọ Dừa, sắp xếp các sự kiện theo trình tự đúng (câu 2 – trang 42)*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. Tìm hiểu chung  *1. Thể loại:* truyện cổ tích  - Kiểu nhân vật người mang lốt vật.  *2. Tóm tắt*  - Nhân vật chính: Sọ Dừa  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - PTBĐ: tự sự  *3. Bố cục:* 4 phần  - P1: từ đầu… *nó là Sọ Dừa* : Sự ra đời của Sọ Dừa  - P2: Tiếp… *phòng khi dùng đến*: Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dạng tuấn tú và thi đỗ trạng nguyên.  - P3: Còn lại: Biến cố bị hãm hại và sự đoàn tụ vợ chồng |

Hoạt động 2: Đọc hiểu cùng văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Sự ra đời của Sọ Dừa  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn đầu và trả lời câu hỏi:  *+ Sự ra đời của Sọ Dừa có gì khác thường?*  *+ Nhân vật Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào?*  *+ Kể về sự ra đời của Sọ Dừa, nhân dân ta muốn gửi gắm sự quan tâm tới những số phận như thế nào trong xã hội?*  Truyện cổ tích sọ dừa  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Thời gian: đời HV thứ sáu  + Không gian: không gian làng quê  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  + Cha mẹ Sọ Dừa là những người tốt bụng, hiền lành, nghèo khó đã được đền đáp xứng đáng 🡪 thể hiện quan niệm của dân gian ở hiền gặp lành.  + Sọ Dừa sinh ra đã mang một hình hài không bình thường, xấu xí cũng giống như nhiều nhiều kém may mắn trong cuộc sống này. Vì vậy, qua hình tượng Sọ Dừa, nhân dân ta còn thể hiện sự quan tâm, thương cảm đến những số phận thấp hèn, đau khổ, chịu nhiều thua thiệt.  NV2:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi :  *+ Khi lớn lên, Sọ Dừa có những hành động nào đáng chú ý?*  Sở Giáo Dục Và Đào Tạo Vĩnh Phúc  *+ Những hành động đó bộc lộ phẩm chất gì ở Sọ Dừa?*  *+ Qua nhân vật Sọ Dừa, nhâ dân ta gửi gắm ước mơ gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Các hành động của SD  + Chăn bò rất giỏi  + Thổi sáo rất hay  + Giục mẹ hỏi cưới  + Thi đỗ trạng nguyên  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV mở rộng: Trái với hình dạng xấu xí thường thấy, Sọ Dừa đã trở thành chàng trai khôi ngô, tuấn tú, thông minh, tài năng. Qua đó, nhân dân cũng thể hiện được ước mơ đổi đời của người xưa. Những người hiền lành, chịu nhiều thiệt thòi sẽ được bù đắp, những người tài năng, thông minh sẽ làm nên công danh lẫy lừng. Nói rộng hơn, đó chính là ước mơ về sự công bằng trong xã hội  NV3 :  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Sự việc gì đã xảy ra đối với vợ chồng Sọ Dừa? Sọ Dừa đã lo liệu sự việc như thế nào?*  *+ Hai cô chị đã có hành động gì với cô út?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Nhà vua sai SD đi sứ.  + SD đã đưa vợ: một hòn đá lửa, một con dao, hai quả trứng gà phòng thân.  + Hai cô chị đã đẩy em xuống nước 🡪 nhờ những vật phòng thân, cô út đã thoát nạn.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4: Tìm hiểu những dấu ấn còn lại  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Tại sao cô út lại đồng ý lấy Sọ Dừa?*  *+ Qua các hành động của cô út, em có nhận xét gì về nhân vật cô út?*  *+*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Cô út bằng lòng lấy Sọ Dừa vì: - Cô út là người duy nhất nhìn thấy bản chất tốt đẹp bên trong của Sọ Dừa.  - Cô út yêu Sọ Dừa chân thành: “có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng”.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV5: Tìm hiểu nhân vật hai cô chị  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Tìm những chi tiết miêu tả tính cách, hành động của hai cô chị?*  *+ Qua đó, em hãy nhận xét về nhân vật hai cô chị?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Hai cô chị kiêu kì, ác nghiệt thường hắt hủi Sọ Dừa.  + Khi Sọ Dừa đem sính lễ đến thì bĩu môi, chê bai.  + Khi thấy em gái hạnh phúc, sinh lòng ghen ghét, có dã tâm hại em để thay em làm bà trạng.  + Đẩy em xuống sông  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV5 : Tổng kết văn bản  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi:  + *Truyện có ý nghĩa gì ? Xác định chủ đề và đề tài của truyện ?*  *+ Nêu những đặc sắc nghệ thuật của truyện ?Những chi tiết kì ảo có ý nghĩa như thế nào trong truyện ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | II. Tìm hiểu chi tiết  *1. Nhân vật Sọ Dừa*  *a. Sự ra đời của Sọ Dừa*  - Người mẹ nghèo, hiếm muộn, uống nước mưa trong chiếc sọ dừa 🡪 mang thai.  - Bà sinh ra đứa bé không tay, không chân, tròn như quả dừa.  - Bà định vứt con đi, Sọ Dừa xin mẹ 🡪 bà để lại nuôi.  - Nhân xét: Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật người mang lốt vật, có hình dạng xấu xí.  🡪 nhân dân ta thể hiện sự quan tâm, thương cảm đến những số phận thấp hèn, đau khổ, chịu nhiều thua thiệt.  *b. Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dạng tuấn tú và thi đỗ trạng nguyên.*  - Sọ Dừa đã có nhiều hành động khiến mọi người bất ngờ, ngạc nhiên :  + Xin sang nhà phú ông chăn bò và chăn rất giỏi  + Thổi sáo rất hay  + Giục mẹ hỏi cưới con gái Phú ông và chuẩn bị đầy đủ sính lễ  + Cưới cô út và thi đỗ trạng nguyên  🡪 Sọ Dừa trở thành chàng trai khôi ngô tuấn tú, cưới được cô út và sống hạnh phúc, thi đỗ trạng nguyên.  🡪 Thể hiện ước mơ của nhân dân ta, những người thiệt thòi được bù đắp.  *c. Biến cố bị hãm hại và vợ chồng SD đoàn tụ*  - Sọ Dừa đi sứ và dặn vợ mang theo những vật phòng thân.  - Cô út bị hai chị hãm hại nhưng thoát nạn  - Vợ chồng đoàn tụ, sống hạnh phúc.  🡪 Thể hiện quan niệm của nhân dân : ở hiền gặp lành  *2. Nhân vật cô út*  - Hiền lành, nết na, thương người, đối đãi với SD tử tế  - Thông minh, biết xử trí kịp thời để thoát nạn.  - Kết cục: có cuộc sống hạnh phúc.  3. Nhân vật hai cô chị  - Kiêu kì, ác nghiệt, khinh thường Sọ Dừa.  - Có dã tâm độc ác.  - Kết cục: bỏ đi biệt xứ  III. Tổng kết  *1. Nội dung – Ý nghĩa:*  \* *Nội dung*: Truyện kể về nhân vật Sọ Dừa tuy có hình dạng xấu xí nhưng thông minh, tài năng đã có một cuộc sống hạnh phúc.  \* *Ý nghĩa*: Truyện đề cao, ca ngợi vẻ đẹp bên trong của con người. Đó là ý nghĩa nhân bản, thể hiện đạo lí truyền thống của nhân dân ta, chính lòng nhân ái sẽ đem lại hạnh phúc cho con người.  b. Nghệ thuật  - Chi tiết tưởng tượng kì ảo |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS trả lời bài tập:*

+ Chỉ ra các tiết kì ảo trong truyện? Ý nghĩa của các chi tiết này?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* Qua truyện Sọ Dừa, em rút ra được những bài học gì cho mình? Hãy viết thành đoạn văn ngắn 5-7 dòng về những bài học rút ra từ truyện.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:03 - 04

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:9,10

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.

- Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết khi viết câu, dựng đoạn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện trạng ngữ và chỉ ra tác dụng của trạng ngữ trong câu, trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS trả lời: *Hãy đặt câu, trong đó có sử dụng thanh phần trạng ngữ?*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ở Tiểu học, các em đã được học về trạng ngữ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng việt.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1 :  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: Dựa vào SHS, hãy trả lời câu hỏi:  *+ Trạng ngữ là gì?*  *+ Có những loại trạng ngữ nào? Hãy tìm trong các văn bản vừa học, những ví dụ minh họa cho các trạng ngữ đó*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Trạng ngữ  *1. Khái niệm*  - Trạng ngữ là thanh phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, mục đích… của sự việc nêu trong câu.  *2. Phân loại*  - TN chỉ thời gian  - TN chỉ nơi chốn  - TN chỉ nguyên nhân  - TN chỉ mục đích  - TN có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liền mạch. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Bài tập 1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. GV hướng dẫn HS gạch chân, chỉ rõ vị ngữ và nêu tác dụng của TN trong câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  NV2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2. Tìm TN và nêu TN của TN.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV3:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức làm bài tập 3.  GV hướng dẫn HS nhớ lại cách xác định từ láy trong câu và ý nghĩa của từ láy khi dùng trong văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS tìm thành ngữ và giải thích nghĩa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | Bài tập 1/ trang 48   |  |  | | --- | --- | | Trạng ngữ | Tác dụng | | a, Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa | trạng ngữ bổ sung thông tin về thời gian và nơi chốn xảy ra sự việc | | b, Đúng lúc rước dâu | trạng ngữ bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc | | c, Lập tức | trạng ngữ bố sung thông tin về cách thức diễn ra sự việc | | d, Sau khi nghe sứ thần trình bày. | trạng ngữ bỗ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc |   Bài 2/ trang 48   |  |  | | --- | --- | | Trạng ngữ | Tác dụng | | a, Năm ấy, chẳng bao lâu, khi chia tay | Liên kết các câu trong đoạn, các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian, sự việc này nối tiếp sự việc kia. | | b, từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, nhân trạng đi sứ vắng | Liê kết các câu trong đoạn b trong mối liên hệ về thời gian và các thức diễn ra sự việc. |   Bài 3/ trang 48  - Từ láy: véo von, rón rén, lăn lóc.  - Tác dụng: giúp cho việc miêu tả âm thanh, hình ảnh sinh động, ấn tượng  Bài 4/ trang 48:  - Thành ngữ: mừng như mở cờ trong bụng.  - Nghĩa: trạng thái mừng rỡ xen lẫn phấn khởi, hân hoan. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của em về một truyện cổ tích mà em yêu thích, trong đó sử dụng ba trạng ngữ.

GV hướng dẫn HS những yêu cầu của 1 đoạn văn, cách thức trình bày và nội dung thể hiện. Hướng dẫn HS tìm các thành ngữ phù hợp với nội dung các văn bản đã học và đưa vào bài viết. Yêu cầu HS viết và hoàn thiện ở nhà nếu chưa xong.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:04

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:11-12

VIẾT

ÔN TẬP KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS biết viết văn bản đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, thu thập tư liệu), tìm ý và lập dàn ý. Viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: Em đã từng đọc một truyện cổ tích yêu thích và muốn kể lại bằng văn viết em sẽ thực hiện như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách làm bài văn kể lại một truyện cổ tích.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một truyện cổ tích

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại một truyện cổ tích

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS, dựa vào SHS:  *+ Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích là gì?*  *+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu bài?*  *+ Theo em, khi kể lại một truyện cổ tích, chúng ta có thể chép nguyên một truyện như trong sách được không? Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa một văn bản cổ tích do dân gian kể và văn bản cổ tích do tự mình kể lại?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm: Kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”. Tác dụng giúp câu chuyện trở nên chân thận, người kể có thể bộc lộ những suy nghĩ,tình cảm, tâm trạng của mình.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. Tìm hiểu chung  *1. Khái niệm*  - Kể lại một truyện cổ tích thuộc loại văn bản kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của minh.  *2.* *Yêu cầu đối với sơ đồ tóm tắt văn bản*  - Yêu cầu đối với sơ đồ để tóm tắt văn bản:  *a. Yêu cầu về nội dung*  + Người kể sử dụng ngôi thứ ba.  + Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.  - Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.  *b. Yêu cầu về hình thức*  *-* Bài văn gồm có ba phần:  + Mở bài: giới thiệu được truyện cổ tích sẽ kể lại.  + Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoan cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.  + Kết bài: nêu cảm nghi về truyện vừa kể. |

Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ SHS/trang 54. Em hãy tìm đọc truyện cổ tích Cây khế và đọc bài văn kể lại truyện Cây khế, sau đó trả lời những câu hỏi sau:  *+ Người kể có nêu được thời gian, địa điểm xảy ra câu chuyên hay không?*  *+ Người kể có đảm bảo kể đủ những sự việc chính đã diễn ra trong truyện Cây khế hay không?*  *+ Những hành động của nhân vật trong truyện có bị người kể bỏ sót hay không?*  *+ Từ bài văn kể lại truyện Cây khế, em học được điều gi về cách kể lại một truyện cổ tích?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Phân tích ví dụ  - Bài văn đảm bảo bố cục 3 phần:  + Mở bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  + Thân bài: trình bày chi tiết các sự việc xảy ra theo trình tự thời gian. Kể được các yếu tố kì ảo.  + Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện |

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các viết bài văn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SHS.  - Hướng dẫn HS làm bài:  Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết  Thực hành xác định truyện mà em yêu thích và định kể, mục đích viết bài này của em, người đọc bài viết của em, nhân vật và cốt truyện của truyện em định kể, cảm nhận của em về truyện đó.  Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý  - HS tìm ý và lập dàn ý theo 3 phần.  - HS viết bài dựa trên dàn ý đã lập.  Bước 3: Viết bài  Bước 4: HS xem lại và chỉnh sửa bài văn.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | III. Thực hành  Đề bài: Viết một bài văn khoảng 400 chữ kể lại một truyện cổ tích.  - Quy trình viết gồm 3 bước:  + Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết  Xác định đề tài  Thu thập tài liệu  + Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý  + Bước 3: Viết bài  + Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, dám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS tìm đọc một số bài văn tham khảo để rút ra kinh nghiệm khi làm .

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

------------------------------------------------------------------------------------------------

Ngày soạn: …/…/… Tuần:05

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:13-14

Bài 3. VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.

- Nêu được bài học về cách nghĩ và các ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Yêu vẻ đẹp quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án, SGK, SGV

Một số tranh ảnh liên quan bài học

Giáy A1 để HS trinh bày kết quả làm việc nhóm.

Mô hình thể thơ lục bát.

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV nhắc lại yêu cầu từ tiết trước: Mỗi HS chuẩn bị một bức ảnh về cảnh đẹp quê hương và giới thiệu ngắn gọn, nêu cảm nhận về cảnh đẹp đó.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Cụm từ vẻ đẹp quê hương thường khiến em nghĩ đến điều gì? Đất nước Việt Nam với bao cảnh sắc tuyệt vời và đã được nhân dân phác họa bằng những vần thơ trữ tình ngọt ngào.Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu văn bản Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Tìm hiểu về thể loại  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc văn bản  *+ Văn bản thuộc thể loại nào?*  *+ Dựa vào phần Tri thức ngữ văn, nêu đặc điểm của thể loại?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: yêu cầu đọc to rõ, nhắc nhở HS chú ý cách ngắt nhịp, giọng điệu ca ngợi, tự hào về quê hương của tác giả.  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB. Lưu ý cần đọc phân biệt rõ lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó  - HS lắng nghe.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung: sử dụng bảng phụ hoặc máy chiếu giúp HS nhận biết các đặc điểm cảu thơ lục bát về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu. | I. Tìm hiểu chung  *1. Thể loại:* lục bát  - Là thể thơ có từ lâu đời, mỗi cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng và một dòng 8 tiếng.  - Đặc điểm:  + Cách gieo vần  + Ngắt nhịp  + Thanh điệu  *2. Đọc, tìm hiểu chú thích* |
|  | |

Hoạt động 2: Đọc hiểu cùng văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| GV có thể chiếu hình ảnh một số địa danh có trong văn bản để HS hiểu rõ hơn.  36 Phố Phường Hà Nội | Vén Màn Bí Mật Sau Tên Phố Có Chữ "Hàng"  *Long Thành – 36 phố phường*  KHỞI NGHĨA LAM SƠN | namevgo  *Vùng đất Lam Sơn*  Hòn Vọng Phu - Núi Bà ( Bình Định )  *Núi Vọng Phu – Bình Định*  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV2: Tìm hiểu bài ca dao 1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn đầu và trả lời câu hỏi:  *+ Bài ca dao 1 nhắc đến địa danh nào trên đất nước ta?*  *+ Qua câu ca dao, “Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ”, Long Thành hiện lên trong tâm trí em như thế nào?*  *+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong bài ca dao số 1*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  + Tác giả dân gian đã vô cùng khéo léo dẫn dắt người đọc thăm thú khắp 36 phố phường Hà Nội. Cách sắp xếp các tên phố tạo nên vần điệu đã tạo nên âm hưởng nhẹ nhang, giống như một cuộc dạo chơi, thảnh thơi giữa Long Thành phồn hoa đô hội. Qua đó, thể hiện được niềm tự hào của nhân dân ta về vẻ đẹp của kinh đô lúc bấy giờ.  NV3: Tìm hiểu bài ca dao số 2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi :  *+ Bài ca dao số 2 đã nhắc tới những địa danh nào trên đất nước ta?*  *+ Những địa danh đó gắn với những sự kiện nào trong lịch sử?*  *+ Qua đó, tác giả muốn thể hiện vẻ đẹp nào của quê hương đất nước?*  *+ Em hãy nhận xét về hình thức của bài ca dao có gì khác so với những bài ca dao khác?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - GV chuẩn kiến thức: Như vậy, vẻ đẹp của quê hương đất nước không chỉ hiện lên qua những thắng cảnh tự nhiên mà tạo hóa ban tặng, đó còn là vẻ đẹp của truyền thống đấu tranh hào hùng của cha ông ta trong hàng ngàn năm dựng và giữ nước. Những chiến công lẫy lừng năm xưa không còn là kiến thức lịch sử khô khan mà trở nên nhẹ nhàng, dí dỏm qua những hình thức đối đáp của đôi nam – nữ trong bài ca dao.  NV4: Tìm hiểu bài ca dao số 3  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Tác giả đã giới thiệu địa danh nào trong bài ca dao số 3?*  *- GV phân công HS tìm hiểu về bài ca dao số 3 theo nhóm:*  Nhóm 1,3: Tìm hiểu về hình thức bài ca dao   |  |  | | --- | --- | | *Đặc điểm thể thơ lục bát* | *Thể hiện trong*  *bài ca dao* | | *Số dòng thơ* |  | | *Số tiếng trong từng dòng* |  | | *Vần trong các dòng thơ* |  | | *Nhịp của từng dòng thơ* |  |   Nhóm 2,4: Tìm hiểu nội dung bài ca dao  *Bài ca dao giới thiệu những vẻ đẹp gì. Hãy liệt kê các hình ảnh vào bảng sau:*   |  |  | | --- | --- | | *Vẻ đẹp* | *Chi tiết, hình ảnh* | | *Vẻ đẹp thiên nhiên* |  | | *Vẻ đẹp con người* |  | | *Vẻ đẹp ẩm thực* |  |   *+ Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào trong bài ca dao này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  + Giới thiệu vùng đất Bình Định  + Tìm hiểu bài ca dao  Nhóm 1,3:   |  |  | | --- | --- | | *Đặc điểm thể thơ lục bát* | *Thể hiện trong*  *bài ca dao* | | *Số dòng thơ* | 4 dòng (2 dòng lục, 2 dòng bát) | | *Số tiếng trong từng dòng* | Dòng lục có 6 tiếng, dông bát có 8 tiếng | | *Vần trong các dòng thơ* | Phu-cù, xanh-anh-canh | | *Nhịp của từng dòng thơ* | Dòng 1: 2/4, dòng 3: 4/2, dòng 2 và 4: 4/4 |  |  |  | | --- | --- | | *Vẻ đẹp* | *Chi tiết, hình ảnh* | | Vẻ đẹp thiên nhiên | Núi Vọng Phu | | Vẻ đẹp con người | Đầm Thị Nại, cù lao Xanh | | Vẻ đẹp ẩm thực | Canh bí đỏ nấu với nước dừa |   + điệp từ “có”: nhấn mạnh  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bản  NV5: Tìm hiểu bài ca dao số 4  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV cho HS quan sát thêm một số hình ảnh vung Đồng Tháp Mười    ĐBSCL: Nỗ lực xuất khẩu thủy sản  *+ Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện đặc điểm gì của vung đất Tháp Mười?*  *+ Từ đó cho biết tình cảm của tác giả đối với vùng đất này?*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV6: Tìm hiểu phần tổng kết  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+Qua những văn bản trong bài, vẻ đẹp nào của quê hương được thể hiện xuyên suốt trong bốn bài ca dao? Qua đó, tác giả thể hiện được tinh cảm gì với quê hương đất nước?*  *+ Những nghệ thuật đặc sắc qua bốn bài ca dao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Tìm hiểu chi tiết  *1. Bài ca dao 1*  - 13 câu đầu: nhân vật trữ tinh dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội với niềm tự hào.  - 5 câu cuối: sự đông đúc, nhộn nhip của phố phường HN thể hiện qua các hình ảnh “phồn hoa”, “phố giăng mắc cửi”, “đường quanh bàn cờ”  🡪 Vẻ đẹp của mảnh đất kinh đô phồn hoa đô hội và tình cảm lưu luyến khi phải xa nơi đây.  - Nghệ thuật: liệt kê  *2. Bài ca dao số 2*  - Những địa danh lịch sử gắn với những chiến công oanh liệt của dân tộc:  + Bạch Đằng: chiến công ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bặc Đằng.  + Lam Sơn: cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn.  Vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc.  *3. Bài ca dao 3*  - Giới thiệu vẻ đẹp của vùng đất Bình Định.  - Bài ca dao khắc họa vẻ đẹp của thiên nhiên, gắn với những chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ, vẻ đẹp của món ăn dân dã.  - Điệp từ “có” vừa nhấn mạnh vừa thể hiện niềm tự hào của tác giả về mảnh đất quê hương.  - Nghệ thuật: đặc trưng cho thể thơ lục bát.  4. Bài ca dao số 4  - Điệp từ “sẵn” thể hiện sự trù phú về tôm cá, lúa gạo mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho TM.  🡪 niềm tự hào về sự trù phú của vung đất TM.  III. Tổng kết  *1. Nội dung – Ý nghĩa:*  \* *Nội dung*: Các bài ca dao đã thể hiện được vẻ đẹp cảnh vật, con người, truyền thống văn hóa của các vung miền trên cả nước.  \* *Ý nghĩa*: Thể hiện niềm tự hào, yêu mến với thiên nhiên và con người.  b. Nghệ thuật  - Thể thơ lục bát, ngôn ngữ mộc mạc, giâu hình ảnh.  - Các biện pháp nghệ thuật: liệt kê, điệp từ. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS trả lời bài tập:Hãy chọn trong mỗi bài ca dao ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh độc đáo của mỗi bài ca dao và giải thích vì sao em chọn từ ngữ, hình ảnh ấy.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Bài ca dao | Từ ngữ, hình ảnh độc đáo | Giải thích |
| *1* |  |  |
| *2* |  |  |
| *3* |  |  |
| *4* |  |  |

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* Trong các bài ca dao đã học, em thích nhất bài ca dao nào? Hãy viết thành đoạn văn ngắn 5-7 câu nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp quê hương đất nước thể hiện qua bài ca dao đó.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

V. HỒ SƠ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: …/…/… Tuần:05-06

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:15-16

ÔN TẬP THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.

- Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết khi viết câu, dựng đoạn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện trạng ngữ và chỉ ra tác dụng của trạng ngữ trong câu, trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, HS chia sẻ: Em đã chứng kiến hoặc có rơi vào tình huống nào sử dụng từ ngữ không phù hợp chưa? Hãy chia sẻ cùng cả lớp.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Khi nói hoặc viết, nếu chúng ta lựa chọn từ ngữ thích hợp sẽ đạt được hiệu quả giao tiếp tốt, ngược lại sử dụng từ ngữ không phù hợp sẽ tạo thành câu chuyện gây cười hoặc khiến người tiếp nhận cảm thấy không hài lòng. Vậy làm thế nào để việc lựa chọn từ ngữ trong văn bản đạt được hiệu quả cao? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1 :  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: Dựa vào SGK, hãy thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Lí do phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?*  *+ Các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?*  *+ Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?*  - GV yêu cầu HS phân tích và lựa chọn từ có nghĩa phù hợp trong ví dụ sau và giải thích:  *Anh ấy đã chết/hi sinh trong trận chiến đấu ác liệt với giặc Mĩ ngày hôm qua.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  - HS dựa vào SGK nêu được lí do, cách lựa chọn và tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.  - Lựa chọn từ “hi sinh” sẽ phù hợp với nghĩa trong câu ví dụ, thể hiện sắc thái trang trọng với người đã ra đi vì nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ dân tộc.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Lựa chọn từ ngữ  *1. Tại sao phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB?*  - Khi nói hoặc viết, người nói (viết) thường phải hưy động vốn từ ngữ đã được tích luỹ (trong đó có những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa) để lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với việc thể hiện nội dung của văn bản.  *2. Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết*  - Xác định nội dung cần diễn đạt.  - Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.  - Chú ý khả năng kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lụa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.  *3. Tác dụng*  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể lứện nghĩa của văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Bài tập 1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. GV hướng dẫn HS tra từ điển, giải nghĩa các từ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  NV2: Bài tập 2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2.  GV cung cấp cho HS các nghĩa của từ “sẵn” và yêu cầu HS lựa chọn, lí giải vì sao lựa chọn nghĩa đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV3: Bài tập 3  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức làm bài tập 3, HS thi theo cặp đôi. Nhóm nào ghép xong trước sẽ chiến thắng  GV hướng dẫn HS lựa chọn từ có nghĩa phù hợp dùng trong văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4: Bài tập 4  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. HS thảo luận theo nhôm theo phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | Từ láy | Ý nghĩa | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | Bài tập 1/ trang 67  a. Từ “phồn hoa”: cảnh sống giàu có, xa hoa .  “phồn vinh” : thường được dùng miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.  🡪 Vì vậy, câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.  b. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh phố - mắc cửi, đường – bàn cờ => 🡪 giúp người đọc hinh dung được tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.  c. Từ láy “ngẩn ngơ” thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.  d. Từ “bút hoa” thể hiện tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”.  Bài 2/ trang 68  a. Từ “sẵn” được hiểu là có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Việc lựa chọn từ “sẵn” phù hợp với nội dung bài thơ để nhằm thể hiện sự trù phú, giàu có của thiên nhiên đã ban tặng cho con người vùng đất Tháp Mười.  b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  Bài 3/ trang 68  1e – 2g - 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d  Bài 4/ trang 69:   |  |  | | --- | --- | | Từ láy | Ý nghĩa | | Ngắn ngủi | Có ý diễn tả bài ca dao rất ngắn, từ đó nhấn mạnh vào đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao và giúp người đọc hình dung, liên tưởng rõ nét hơn. | | Dân dã, mộc mạc | Nhấn mạnh vào sự chất phác, bình dị, mộc mạc của người dân quê, nơi thôn dã. | | Tha thiết, ngọt ngào | Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao. | | Thiết tha, bâng khuâng, xao xuyên | Giúp người đọc hình dung rõ hơn vể cảm xúc của người viết đối với bài ca dao. | |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách bảo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.

GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: Tìm 5 đến 6 ảnh về Việt Nam hoặc về quê hương của HS, ghi lại nguồn tìm kiếm ảnh.

+ Bước 2: Viết đoạn văn từ 150 đến 200 chữ giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương, đất nước được thể hiện qua các hình ảnh đó.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:06

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:17-18

ÔN TẬP BÀI 3

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được các đặc điểm của văn bản thơ lục bát: số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần nhịp của thơ lục bát.

- Hiểu được các đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ lục bát.

- Nắm được cách viết/trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã học.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của đoạn văn chia sẻ cảm xúc về bài thơ lục bát.

- Năng lực viết/ trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã học.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS nhớ lại các văn bản đã học trong chủ đề: Vẻ đẹp quê hương

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn tập các kiến thức trong bài 3.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập về đọc

a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung, các sự kiện đặc sắc của các văn bản đã học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  *+ Hoàn thành nội dung bài tập 1 theo bảng thống kê.*  *+ Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao về vần, nhịp, thanh điệu, ngôn ngữ.*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục |  |  |  |  |  |  |  |  | | Bát |  |  |  |  |  |  |  |  |     - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV chuẩn kiến thức: | I. Ôn tập văn bản  - Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương.  - Việt Nam quê hương ta |

Tóm tắt nội dung các văn bản đã học

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản | Nội dung | Thể loại |
| Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương | Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng. | Ca dao |
| Việt Nam quê hương ta | Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thuỷ, sự tài hoa của con người Việt Nam. | Thơ lục bát |

Hoạt động 2: Ôn tập về viết

a) Mục tiêu: HS nắm được cách trình bày bài viết hoặc nói.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: HS thảo luận theo nhóm và đưa ra những điều cần lưu ý để viết một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát.   |  |  | | --- | --- | | Phương diện | Đặc điểm | | Hình thức |  | |  | | Nội dung |  | |  |   - GV đặt tiếp câu hỏi: Nêu hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã học.  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Ôn tập viết |

Đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát

|  |  |
| --- | --- |
| Phương diện | Đặc điểm |
| Hình thức | Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ vết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng. |
| Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. |
| Nội dung | Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát |
| Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi cho HS:* Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí mỗi người không giống nhau, đối với nhà thơ Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc”, với nhạc sĩ Hoàng Hiệp, quê hương gắn liền với những kỉ niệm trên dòng sông tuổi thơ… Vậy hình ảnh quê hương trong tâm trí em là gì? Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Em có thể làm gì để quê hương ngày càng đẹp hơn

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Học sinh tìm đọc thêm các văn bản cùng chủ đề về vẻ đẹp quê hương, đất nước.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:07

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:19,20

Bài 4. NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

*(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)*

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Tóm tắt VB một cách ngắn gọn

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại: cốt truyện, nhâ vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và lời người kể chuyện ngôi thứ ba.

- Nêu được bài học về cách nghi và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bài học đường đời đầu tiên.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài học đường đời đầu tiên.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, khoan dung, chia sẻ với người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án

Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh về Dế Mèn

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

1. Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.

2. Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc văn bản, em đoan xem “bài học đường đời đầu tiên” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học đường đời đầu tiên.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung của bài học

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *- GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn văn bản.*  *- Sau khi đọc xong văn bản, GV yêu cầu HS đọc và giới thiệu về tác giả Tô Hoài và tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí.*    *- GV lưu ý:* chú ý các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, hành động của nhân vật Dế Mèn.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *mẫm, hủn hoẳn, dún dẩy, tợn, cà khịa, xốc nổi.*  - HS lắng nghe.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  - Tô Hoài là nhà văn gần gũi với thiếu nhi Việt Nam qua những truyện viết được rất nhiều trẻ em yêu thích: Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đô ri đá, Dế Mèn phiêu lưu kí, Đảo hoang………  - Dế Mèn phiêu lưu kí là tác phảm văn học được dịch ra gần 40 thứ tiếng trên thế giới và đã được chuyển thể thành phim hoạt hình. | 1. Tìm hiểu văn bản  *1. Tác giả*  - Tên thật: Nguyễn Sen (1920 – 2014)  - Quê quán: Hà Nội  - Ông là nhà văn có vốn sống rất phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống.  *2. Tác phẩm*  - Dế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại, viết cho trẻ em.  - Năm sáng tác: 1941 |

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản và tính cách nhân vật Dế Mèn

a. Mục tiêu: Nắm được hình dáng, tính cách của nhân vật Dế Mèn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *NV1:*  *-* GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Dựa vào văn bản, hãy cho biết văn bản thuộc thể loại nào? Nêu đặc điểm thể loại ấy?*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  + *Xác định phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - Sau khi HS hoàn thành NV1,GV yêu cầu HS thực hiện NV2.  *NV2:*  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Khi nói về một nhân vật, cụ thể là loài vật, ta có thể nêu lên những đặc điểm nào của nhân vật đó?*  Hình ảnh dế mèn đẹp  - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 1 *(phần phụ lục)*  *+ Xác định các chi tiết miêu tả về hình dáng, hành động Dế Mèn? Các chi tiết đó khiến em liên tưởng tới tác đặc điểm của con người? Lối miêu tả thường được sử dụng ở loại truyện nào?*  *+ Dế Mèn có thái độ, mối quan hệ như thế nào với hàng xóm xung quanh?*  *+ Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, trình tự miêu tả của tác giả về nhân vật Dế Mèn?*  - GV đặt câu hỏi: *Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về Dế Mèn? Em thích hoặc không thích điều gì ở Dế Mèn?*  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, trả lời câu hỏi.  + GV quan sát, hướng dẫn quá trình thảo luận của HS.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Đọc, hiểu chi tiết  *1. Đọc, tìm hiểu chú thích*  - Thể loại: truyện đồng thoại  - Nhân vật chính: Dế Mèn.  - Ngôi kể: Thứ nhất.  *2. Bố cục*  - Bố cục*: 2 phần*  + Phần 1: Từ đầu -> *thiên hạ*: Miêu tả hình dáng, tính cách Dế Mèn.  + Phần 2: Còn lại.  *3, Phân tích*  *a. Hình dáng và tính cách nhân vật Dế Mèn*  - Khi miêu tả nhân vật có thể nói đến đặc điểm hình dáng, cử chỉ, hành động, tính cách của nhân vật đó.  - Chi tiết tả hình dáng, hành động Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.... Đạp phanh phách, nhai ngoàm ngoạm, trịnh trọng vuốt râu.  - Thái độ của Dế Mèn: cà khịa với tất cả mọi người, quát mấy chị Cào Cào, đá ghẹo anh Gọng Vó...  - Nhận xét:  + Chàng Dế khỏe mạnh, cường tráng, trẻ trung, yêu đời.  + Kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu. |

Hoạt động 3: Tìm hiểu tính cách nhân vật Dế Choắt

a. Mục tiêu: Nắm được hình dáng, tính cách của nhân vật Dế Choắt

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *NV1: Tìm hiểu về Dế Choắt*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 2 *(phần phụ lục)*  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn theo phiếu:  *+ Hãy tìm các chi tiết miêu tả về Dế Choắt? Em có nhận xét gì về nhân vật này?*  *+ Lời Dế Mèn xưng hô với Dế Choắt có gì đặc biệt? Nhận xét gì về cách xưng hô đó?*  *+ Như thế, dưới mắt Dế Mèn, Dế Choắt hiện ra như thế nào? Em đánh giá gì về nhân vật Dế Mèn.*  *+ Trước lời cầu xin của Dế Choắt nhờ đào ngách thông hang. Dế Mèn đã hành động như thế nào? Chi tiết đó đã tô đậm thêm tính cách gì của Dế Mèn?*  *NV2 : Dế Mèn và cái chết của Dế Choắt*  + *Hết coi thường Dế Choắt, Dế Mèn lại gây sự với Cốc. Mục đích của việc gây sự? Sụ việc đó diễn ra như thế nào*  *+ Phân tích diễn biến tâm lí và thái độ của Dế Mèn trong việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt?*  *+ Chứng kiến cái chết ở Dế Choắt, Dế Mèn đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì? Suy nghĩ đó cho thấy sự thay đổi nào ở Dế Mèn?*  *+ DC đã nói gì với DM? Điều gì ở DC đã khiến DM xúc động và tỉnh ngộ?*  Tìm hiểu tác giả tác phẩm bài học đường đời đầu tiên - Cunghocvui.com  *+ Theo em, từ những trải nghiệm đáng nhớ đó, DM đã rút ra được bài nào học gì?*  *+ Theo em sự hối hận của Dế Mèn có cần thiết không và có thể tha thứ được không? Vì sao?*  *+ Nếu em có một người bạn có đặc điểm giống với Dế Choắt, em sẽ đối xử với bạn như thế nào?*  *NV3: Bài học rút ra*  *+ Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  *NV4: Tổng kết văn bản*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  *+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản là truyện đồng thoại?*  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, trả lời câu hỏi.  + GV quan sát, hướng dẫn quá trình thảo luận của HS.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng bài học rút ra:  + Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác  + Bài học về tình thân ái, chan hòa. | *b. Hình dáng, tính cách của Dế Choắt*  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  + Có lớn mà không có khôn.  - Cách xưng hô của Dế Mèn: gọi “chú mày”  - Dế Choắt rất yếu ớt, xấu xí, lười nhác, đáng khinh.  => DM tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, , kẻ cả coi thường Dế Choắt.  - Dế Mèn không giúp đỡ Dế choắt đào hang sâu  => Không sống chan hòa ; ích kỉ, hẹp hòi ; Vô tình, thờ ơ, không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  *c. Trò đùa của DM và cái chết của DC*  - Dế Mèn hát véo von trêu chị Cốc  - Chị Cốc trút giận lên Dế Choắt  🡪 DM Muốn ra oai với Dế Choắt, muốn chứng tỏ mình sắp đứng đầu thiên hạ.  - Diễn biễn tâm lí của Dế Mèn:  + Lúc đầu thì hênh hoang trước Dế Choắt  + Hát véo von, xấc xược… với chi Cốc  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... 🡪 đắc ý  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang 🡪 hèn nhát tham sống sợ chết bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  *3. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn*  - Tâm trạng  + Dế Mèn ân hận: Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  🡪 Ở đây có sự biến đổi tâm lý : từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận  => Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.  - DM còn có tình cảm đồng loại ; biết hối hận, biết hướng thiện.  - Bài học rút ra:  + Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác  + Bài học về tình thân ái, chan hòa.  III. Tổng kết  *1. Nội dung – Ý nghĩa:*  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...  *2. Nghệ thuật*  - Truyện đồng thoại với nội dung hấp dẫn, sinh động.  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  -Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm trên bảng phụ:*

Câu 1: Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 2: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I B. Chương III

C. Chương VI D. Chương X

Câu 3: Chi tiết nào sau đây không thể hiện sự trịch thượng, ích kỉ và khinh thường Dế Choắt

A. Xưng hô với Dế Choắt là chú mày và tao mặc dù cả hai cùng bằng tuổi

B. Sang chơi nhà Dế Choắt thì hết sức chê bai nhà Dế Choắt

C. Khi Dế Choắt xin đào giúp một ngách sang nhà thì Dế Mèn khinh khỉnh, ích kỉ không cho và nói những lời phỉ báng.

D. Dế Mèn đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum và đắp thành nấm mộ to

Câu 4: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn. B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt. D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 5: Trước cái chết thương tâm của Dế Choắt, Dế Mèn đã có thái độ như thế nào?

A. Buồn rầu và sợ hãi B. Thương và ăn năn hối hận

C. Than thở và buồn phiền D. Nghĩ ngợi và xúc động

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời các câu hỏi*

+ Đáp án: *1B – 2A – 3D – 4C – 5B*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống.

*- HS tiếp nhận*

*nhiệm vụ, về nhà hoàn thành BT, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức bài học.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:07-08

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:21,22

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện cụm từ và chỉ ra tác dụng của cụm từ trong câu, trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS qua sát và nhận xét: *Nội dung của câu nào trong hai câu dưới đây thể hiện rõ ràng, cụ thể hơn? Tại sao?*

*(1) Emlà học sinh.*

*(2) Em là học sinh lớp 6A.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Như vậy, khi nói hoặc viết câu, để thành phần chủ ngữ hoặc vị ngữ được rõ ràng hơn, ta có thể mở rộng bằng cụm từ. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: HS nắm được khái niệm cụm từ và cách mở rộng thành phần chính của câu.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1 : Tìm hiểu khái niệm cụm từ  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  *+ Hãy quan sát các từ sau và nhận xét từ loại của chúng:*  a. Hoa  b. Đi  c. Xinh  *+ Hãy thêm các từ đưng trước hoặc các từ trên để tạo thành cụm từ.*  *+ Đặt câu với các cụm từ vừa tìm được và cho biết cụm từ đó đảm nhiệm thành phần nào trong câu?*  *+ Từ đó em hãy rút ra nhận xét về cụm từ và vai trò cụm từ trong câu.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  *Một bông hoa lan* //đang nở.  CN VN  Tôi// *đi du lịch.*  CN VN  Cô giáo //*rất xinh.*  CN VN  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  NV2: Tìm hiểu cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: *Hãy mở rộng thành phần chủ ngữ hoặc vị ngữ trong các câu sau đây và nhận xét nghĩa của thành phần câu sau khi được mở rộng?*  a. Chim hót.  b. Nước chảy.  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  Những chú chim trên cành cây cao//đang hót líu lo  Dòng nước trắng xóa trên đỉnh núi// chảy mạnh xuống dưới thung lũng  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Cụm từ từ là?  *1. Xét ví dụ*  *Một bông hoa lan* //đang nở.  CN VN  Tôi// *đi du lịch.*  CN VN  Cô giáo //*rất xinh.*  CN VN  *2. Nhận xét*  - Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ, động từ, tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.  - Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ hoặc vị ngữ.  - Phân loại:  + Cụm động từ  + Cụm tính từ  + Cụm danh từ  II. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ  *Xét ví dụ*  - Những chú chim trên cành cây cao//đang hót líu lo.  - Dòng nước trắng xóa trên đỉnh núi// chảy mạnh xuống dưới thung lũng.  *2. Nhận xét*  - Cách mở rộng thành phần chính trong câu bằng cụm từ:  + Biến chù ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thảnh một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.  + Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có nhũng thòng tin cụ thể, chi tiết hơn.  + Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.  *\* Tác dụng:*  - Làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Bài tập 1, 2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  + Nhóm 1: cặp câu bài 1  + Nhóm 2: cặp câu ý a bài 2  + Nhóm 3: cặp câu ý b bài 2  + Nhóm 4: cặp câu ý c bài 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  NV3: Bài tập 3  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức làm bài tập 3, HS thi theo cặp đôi. Nhóm nào tìm được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.  GV hướng dẫn HS lựa chọn từ có nghĩa phù hợp dùng trong văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4: Bài tập 4  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. HS tự hoàn thành vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV giao bài tập về nhà cho HS: bài tập 5,6/trang 98 | Bài tập 1/ trang 96  a. chủ ngữ là “Vuốt” không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung.  b. “Những cái vuốt ở chân, ở kheo” cho ta thấy vị trí rõ ràng hơn  Bài 2/ trang 97  a. So với cách dùng vị ngữ “bò lên” thì cách diễn đạt “mon men bò lên” (cụm đồng từ) đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động, giúp ta hình dung rõ hơn thái độ của Dế Mèn đó là rón rén, sợ sệt, từ từ bò lên sau khi biết chị Cốc đã bỏ đi.  b. So với cách dùng vị ngữ “khóc” thì cụm tinh từ “khóc thảm thiết” (cụm động từ) diễn tả thêm cách thức thực hiện hành động , thể hiện rõ mức độ khóc lóc vô cùng thương tâm, đau xót.  c. So với cách diễn đạt “nóng”, cụm từ “nóng hầm hập” (cụm tính từ) bổ sung thêm thông tin về cái nóng, làm cho thông tin miêu tả trở nên chi tiết, giúp ta hình dung mức độ nóng đạt tới đỉnh điểm, vô cùng oi bức, khó chịu.  Bài 3/ trang 97  *Văn bản Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài):*  - Tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên . Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  *Giọt sương đêm (Trần Đức Tiến)*  - Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn. Vị ngữ trong câu là chuỗi gồm hai cụm động từ.  - Thằn Làn vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ. Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.  Bài 4/ trang 96  Mở rộng thành phần câu:  a. Vị khách đó/ giật mình.  b. Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc  c. Trời/ rét buốt. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Văn bản Bài học đường đời đầu tiên kết thúc với hình ảnh “Tôi đứng lặng giờ lâu suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Hãy đóng vai Dế Mèn và viết về bài học đó bằng một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ), trong đó sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.

GV hướng dẫn HS hoàn thiện ở nhà. Yêu cầu Hs đảm bảo các yêu cầu:

+ Đóng vai Dế Mèn để viết.

+ Nội dung bài học phù hợp với nội dung VB Bài học đường đời đầu tiên

+ Sử dụng được ít nhất hai câu mở rộng TP chính bằng cụm từ

+ Đảm bảo dung lượng: 150-200 chữ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:08

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:23,24

LUYỆN VIẾT: KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Biết viết VB bão đàm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm cùa bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: Bản thân em đã từng trải qua một kỉ niệm đáng nhớ nào chưa? Hãy chia sẻ ngắn gọn về kỉ niệm đó.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách làm bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với cách làm bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với cách làm bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS, dựa vào SGK:  *+ Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân là kiểu bài như thế nào?*  - Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, điền vào phiếu học tập:  *+ Từ văn bản Bài học được đời đầu tiên, hãy chỉ ra các đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân (phần Hồ sơ học tập)*  *+ Hãy rút ra những đặc điểm của kiểu bài này?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. Tìm hiểu chung  *1. Khái niệm*  - Kể lại một trải nghiệm của bản than là kiểu bài trong đó người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc.  *2.* *Yêu cầu đối với kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân*  - Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trài nghiệm của bàn thân.  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí.  - Kết hợp kể và tà.  - Nêu ý nghĩa của trài nghiệm đối với bàn thân.  - Bài vàn đàm bào bố cục:  Mở bài: giới thiệu được trài nghiệm.  Thân bài: trình bày diễn biến của sự việc.  Kết bài: nêu được ý nghĩa của trài nghiệm đối với người viết. |

Hoạt động 2: Phân tích ví dụ tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu, yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi (SGK – trang 104) để nhận biết được đặc điểm:  *+ Câu chuyện trên kể bằng ngôi thứ mấy?*  *+ Trải nghiệm của nhân vật “tôi”  được kể lại với những sự việc chính nào?*  *+ Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng những yếu tố đó có tác dụng gì?*  *+ Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm? Vì sao ý nghĩa được trình bày trong đoạn cuối của bài văn?*  *+ Từ câu chuyện trên, em học được điều gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | II. Phân tích ví dụ  1. Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất  2. Những sự việc chính:  Làng tôi có con sông êm đầu chảy qua làng, chúng tôi thường rủ nhau tắm sông.  Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng, đám trẻ rủ nhau ra sông tắm và nảy ra ý định tổ chức cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng.  Tôi  nhận lời thách đấu, đã bơi nhanh và khi nhận ra đã bơi khá xa bờ.  Bỗng bắp chân bị chuột rút và đau đớn, tôi sợ hãi tột độ.  Một người làng đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng kêu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.  Tôi rút ra bài học chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.  3. Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả:  Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông.  Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt.  Tôi cố ngôi lên mặt nước để kêu cứu nhưng càng vùng vẫy tôi lại càng chìm nhanh hơn và không thể thở được.  Việc sử dụng yếu tố miêu tả giúp cho bài văn thêm sinh động, hấp dẫn, cuốn hút người đọc.  4. Nhân vật “tôi” đã nhận ra sau trải nghiệm ấy là bài học sâu sắc, cần nghe lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.  5. Em rút ra được một số kinh nghiệm khi kể lại một trải nghiệm của bản thân:  Dùng ngôi thứ nhất để kể  Kết hợp kể và miêu tả  Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí  Nêu ý nghĩa của trai nghiệm đối với bản thân.  Bài văn phải đảm bảo bố cục 3 phần |

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được các viết bài văn

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc kĩ Hướng dẫn quy trình viết trong SGK và quan sát sơ đồ sau    - Hướng dẫn HS làm bài:  NV1: Chuẩn bị trước khi viết.  GV trình bày mô hình trên bảng phụ, GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau: Bao gồm xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu.    - GV có thể làm mẫu, chia sẻ lại một trải nghiệm mà bản thân thầy/cô đã trải qua để học sinh hình dung được cách xác định đề tài, mục đích viết.  NV 2: Tìm ý, lập dàn ý  - GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng bằng *kĩ thuật động não*: Hãy viết ra một cụm từ bất kì liê quan đến chủ đề muốn kể, ví dụ như: đá bóng, bị điểm kém, về nhà muộn, đi lạc…. và điền vào phiếu học tập số 2 (Hồ sơ dạy học)  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý, tổ chức cho HS sắp xếp thể hiện ý tưởng thành dàn bài.  NV3: Viết bài  Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ  - Hướng dẫn HS dùng Bảng kiểm bài viết kể lại một trải nghiệm của bản thân và cách kiểm tra và điều chỉnh bài viết để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết cùa bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.  - Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bàng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.  - Cuối cùng, cho HS thào luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.  - GV khuyến khích, động viên HS làm.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | III. Thực hành  Đề bài: Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm của bản thân..  - Quy trình viết gồm 3 bước: |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:* HS tìm đọc một số bài văn kể về trải nghiệm của bản thân để tham khảo cách viết, cách dùng từ ngữ, biện pháp thu từ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu học tập

***Phiếu ghi chép: Câu chuyện về trải nghiệm của tôi***

Tôi muốn kể câu chuyện gì? Kể cho ai nghe?

………………………………………………………………………………….

Chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

………………………………………………………………………………….

Những sự kiện gì mà tòi còn nhớ?

………………………………………………………………………………….

Cảm xúc, suy nghĩ của tói lúc đó thế nào?

………………………………………………………………………………….

Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì với tôi?

………………………………………………………………………………….

Bảng kiểm bài viết kể lại trải nghiệm của bản thân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các phần của bài viết | Nội dung kiểm tra | Đạt/chưa đạt |
| Mở bài | Dùng ngôi thứ nhất để kể. |  |
| Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm. |  |
| Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp đẫn với người đọc. |  |
| Thân bài | Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. |
| Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan. |  |
| Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng. |  |
| Kết hợp kể và tả. |  |
| Kết bài | Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:09

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:25,26

Bài 5. TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN

ÔN TẬP VĂN BẢN: LAO XAO NGÀY HÈ

*\_\_\_Duy Khán\_\_\_\_*

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện của hồi kí.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản

- Đặc điểm của chung và tác động của văn bản đến cá nhân.

2. Năng lực

a. Năng lực chung: Khả năng giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản .

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Phẩm chất:

- Yêu và có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Giáo án

Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh về các loài chim

Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, thân thiện những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Khoảng thơi gian mong chờ nhất với mỗi thế hệ học sinh có lẽ là những ngày hè, được nghỉ học và thỏa thích vui chơi nơi làng quê. Với tác giả Duy Khán, kí ức đó chính là* chứng kiến thế giới loài chim phong phú và đã dạng với tiếng hót líu lo, ríu rít những màu sắc đáng yêu và kỉ niệm bên bạn bè, người thân. Tác giả đã làm hiện lên bức tranh thiên nhiên và cuộc sống ở làng quê thuở trước, tuy đơn sơ, nghèo khó nhưng giàu sức sống, đậm đà tình người. Bài học hôm nay sẽ cùng tìm hiểu tác phẩm này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung của bài học

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *-* GV yêu cầu HS dựa vào sgk và hiểu biết của mình, *em hãy giới thiệu đôi nét về tác giả Duy Khán*    NV2: Đọc, tìm hiểu chú thích  *-* GV hướng dẫn cách đọc: Đọc diễn cảm, chú ý nhấn mạnh các thành ngữ, câu chuyện cổ tích, bài đồng dao, thể hiện chất dân gian trong bài.  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - Giải nghĩa từ khó:  + Hoa móng rồng là loài hoa như thế nào.  + Giải thích thành ngữ: Kẻ cắp bà già gặp nhau.  NV3: Tìm hiểu văn bản, thể loại, bố cục  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, dựa vào văn bản vừa đọc, hãy trả lời câu hỏi:  *+ Thể loại của văn bản? Những dấu hiệu nào cho em biết thể loại của VB?*  *+ Bức tranh cuộc sống được miêu tả qua cảm nhận của ai? Theo ngôi kể nào?*  + *Trong văn bản, em thấy có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào?*  *+ Từ ý chính ấy, hãy xác định bố cục bài văn.*  - HS lắng nghe.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  Dự kiến sản phẩm: Thuộc thể loại hồi kí vì kể lại những sự việc mà người viết chứng kiến trong quá khứ.  + Người kể chuyện xưng “tôi” (ngôi thứ nhất)  + Hình thức ghi chép và cách kể sinh động, hấp dẫn.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV mở rộng: | 1. Tìm hiểu chung  *1. Tác giả*  - Tên: Nguyễn Duy Khán (1934 –1993)  - Quê quán: Bắc Ninh  - Ông là nhà văn, nhà báo, phóng viên chiến trường trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.  *2. Tác phẩm*  - VB được trích từ Hồi kí tự truyện "Tuổi thơ im lặng".  II. Tìm hiểu chi tiết  *1. Đọc, tìm hiểu chú thích*  - Thể loại: hồi kí  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, qua cảm nhận của nhân vật “tôi”.  - Phương thức biểu đạt: Tự sự , miêu tả.  *2. Bố cục: 3 phần*  - P1: từ đầu đến "Râm ran": Buổi sáng chớm hè ở làng quê.  - P2: tiếp theo đến *“bãi húng dũi”*: Thế giới loài vật  - P3: *còn lại:* Cảnh sinh hoạt ở làng quê. |

Hoạt động 2: Đọc hiểu cùng văn bản/ Tìm hiểu khung cảnh vườn quê vào buổi sáng chớm hè

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật đoạn văn.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  NV1: Tìm hiểu  - GV đặt câu hỏi gợi mở:  *+ Đoạn văn miêu tả cảnh gì ? Vào thời điểm nào.?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *\*Nhóm 1:* *Tìm những chi tiết mà Duy Khán đã sử dụng để miêu tả khung cảnh vườn quê trong buổi sáng chớm hè. (Cảnh vật ? Con người ?)*  *\* Nhóm 2:* *Nhận xét trình tự miêu tả. Từ ngữ, chi tiết, hình ảnh ... ? Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật đã được sử dụng..*  *\* Nhóm 3:* *Đoạn văn giúp em cảm nhận như thế nào về cảnh thiên* *nhiên ... buổi sớm ở làng quê ... (? Hình ảnh cây cối, các loài hoa, các loài vật được miêu tả ở đây có gì đặc biệt ? Có mấy loài ... được nhắc tên ? Mỗi loài ... có giống nhau không ? Chúng có đặc điểm gì ... đặc điểm ấy có phù hợp với thực tế không ?)*  *\* Nhóm 4: ? Ngoài ... bức tranh vườn quê còn có cả âm thanh, hãy lắng nghe xem đó là âm thanh gì ? Từ ngữ nào gợi tả âm thanh đó.*  *- Gv đặt tiếp câu hỏi:* Qua đó ta hiểu gì về tác giả?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  - Khung cảnh vườn quê, vào chớm hè.  \* Nhóm 1:  - Cây cối um tùm  - Cả làng thơm  - Hoa lan nở trắng xoá  - Hoa móng rồng thơm như mùi mít chín  - Hoa giẻ từng chùm  - Ong vàng, ong vò vẽ...  - Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao  - Trẻ em trò chuyện râm ran.  \* Nhóm 2:  + Miêu tả từ khái quát đến cụ thể.  + Từ ngữ gợi tả, hình ảnh chi tiết chọn lọc: “um tùm” “Trắng xóa” “Bụ bẫm” ....  - Phép tu từ....  + Nhân hóa chỗ nào ? (Hoa dẻ bụ bẫm, ong đánh lộn ... đuổi bướm ... bướm hiền lành, bỏ chỗ ...)  + So sánh ... ? (thơm như mùi mít chín ...)  + Hoán dụ ...? (Cả làng thơm)  \* Nhóm 3: tự bộc lộ  \* Nhóm 4: Âm thanh của cây cối, muôn vật, đất trời, âm thanh của con người: lao xao, râm ran.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bình: Người ta thường ví: Đẹp như tranh vẽ. Nếu như họa sĩ vẽ những bức tranh với màu sắc, hình khối, đường nét. Thì Duy khán, bằng chất liệu ngôn từ, ông đã vẽ lên một bức tranh cảnh vật làng quê trong buổi sáng chớm hè không chỉ có màu sắc, hình khối đường nét mà còn có cả âm thanh và hương vị.  - Nhiều loài hoa ... mỗi loài có dáng vẻ riêng, vẻ đẹp riêng, phong phú, đa dạng ...  - Đường nét mềm mại, duyên dáng của cây, lá, hoa, của ong bướm rập rờn, nhẹ nhàng nên thơ.  - Màu sắc tươi sáng của cây lá xanh um = màu xanh dày và đậm, điểm xuyết trên đó là sắc trắng của hoa lan, màu vàng của hoa dẻ hoa móng rồng và rất nhiều màu sắc khác của bướm của ong. Nhà văn không hề nhắc đến, nhưng đọc câu văn dường như ta còn cảm nhận được cả màu xanh mát của bầu trời buổi ban mai ...  - Hương thơm nồng nàn quyến rũ của mít chín, của hoa lan, hoa dẻ, hoa móng rồng. Tất cả hòa quyện, lan tỏa trong không gian bao la, khoáng đạt và trong trẻo, thấm vào từng nhành cây ngọn cỏ, khiến cả làng thơm ...  Nhà văn đã sử dụng thật đắt (chính xác, hiệu quả) các từ láy: từ gợi hình dáng như “um tùm, bụ bẫm”, đặc biệt là hai từ láy gợi tả âm thanh “lao xao, râm ran”. Lao xao là thứ âm thanh rất nhẹ rất khẽ. Đó là sự sống của muôn ngàn vạn vật đang cựa mình, đang sinh sôi, nảy nở. Nếu như âm thanh lao xao nhẹ và khẽ, ta chỉ có thể cảm nhận và thật lắng nghe, thì “râm ran” ... lại là thứ âm thanh hiện hữu rất rõ ... Âm thanh của sự sống con người.  \* Hình ảnh lũ trẻ con xuất hiện cuối đoạn văn có ý nghĩa hoàn thiện bức tranh cuộc sống ...  - Con người được nhắc đến rất ít, nhưng vẫn rõ nét, là trung tâm cảnh vật ... Thiên nhiên có đẹp đến đâu, cũng chỉ là phông nền ... là nơi chúng tôi tụ hội chơi đùa | *3. Phân tích*  *3.1. Khung cảnh vườn quê vào buổi sáng chớm hè.*  \* Khung cảnh: vườn quê vào buổi sáng chớm hè.  \* Hình ảnh:  - Cây cối um tùm  - Cả làng thơm  - Hoa lan nở trắng xoá  - Hoa móng rồng thơm như mùi mít chín  - Hoa giẻ từng chùm  - Ong vàng, ong vò vẽ...  - Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao  \* Âm thanh của cây cối, muôn vật, đất trời, âm thanh của con người: lao xao, râm ran.  \* Nghệ thuật:  + Quan sát tỉ mỉ, tinh tế.  + Từ ngữ gợi tả, hình ảnh đặc sắc.  + Nghệ thuật: Nhân hóa, so sánh, hoán dụ  => Cảnh thiên nhiên đẹp như một bức tranh sinh động, tràn đầy sức sống. |

Hoạt động 3: Đọc hiểu cùng văn bản/ Tìm hiểu về thế giới những loài chim

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi, HS tiếp tục thảo luận theo nhóm:    *\* Nhóm 1:* *Em hãy kể tên các loài chim được miêu tả trong tác phẩm?*  *\* Nhóm 2*: *Tại sao các loài chim ... được tác giả gọi là loài chim "mang vui đến cho trời đất"?*  *\* Nhóm 3:* *Loài chim ác được tác giả miêu tả như thế nào? Vì sao tác giả gọi chúng là loài chim ác? Theo em, quan niệm về tiếng kêu báo điềm dữ của loài quạ có đúng không ? Vì sao?*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  *Nhóm 1:* (Học sinh liệt kê các loài chim)  - Bìm bịp, diều hâu, quạ cắt...  - Chèo bẻo  - Sáo sậu, sáo đen đậu cả trên lưng trâu mà hót, mà học nói, hót mừng được mùa.  - Bồ các kêu váng lên vừa bay vừa kêu...  - Chim tu hú kêu báo hiệu được mùa vải chín.  - Đàn ngói sạt qua vội vã...  - Nhạn tha hồ vùng vẫy...  *Nhóm 2:* Chúng là loại chim hiền mang tiếng hót vui cho con người. Chúng đều gần gũi, gắn bó với con người mang niềm vui đến thôn quê.  *Nhóm 3:*  - Diều hâu mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm ...  - Chèo bẻo là kẻ cắp, là chim trị ác, có nét  đáng yêu...  - Quạ băt gà con, trộm trứng...  - Cắt đánh nhau xỉa bằng cánh...  - Quan niệm của dân gian – không chính xác ..., tư tưởng lạc hậu, mê tín ...  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | *3.2,* *Thế giới loài chim trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên của làng quê lúc giao mùa.*  - Có rất nhiều loài chim.  - Các loài chim hiền mang vui đến cho trời đất.  - Nhóm các loài chim xấu, chim ác.  - Các loài chim hiện lên sinh động với những nét độc đáo riêng.  - Tình cảm yêu mến, sự hiểu biết về các loài chim...  - Các loài vật: tiếng gà, tiếng vịt tạo nên âm thanh sinh hoạt gần gũi làng quê |

Hoạt động 4: Đọc hiểu cùng văn bản/ Tìm hiểu cảnh sinh hoạt buổi chiều và tối ở làng quê

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV đặt câu hỏi:  *+ Những hoạt động nào của con người ở làng quê được hiện lên trong bức tranh?*  *- GV yêu cầu HS thảo luận theo phiếu học tập dưới đây. Hãy bộc lộ cảm xúc của em khi đọc đoạn văn.*   |  |  | | --- | --- | | Câu văn, từ ngữ, hình ảnh | Tinh cảm, cảm xúc | | "Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chõ thoáng vể; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thủng thẳng sủa giăng..." “Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát." |  | | Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giời, với đất. Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này! |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | Câu văn, từ ngữ, hình ảnh | Tình cảm, cảm xúc | | "Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chõ thoáng vể; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thủng thẳng sủa giăng..." “Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát." | Nhớ thương, trân trọng (sự đầm ấm quây quần của sinh hoạt gia đình trong những tháng ngày thơ ấu êm đềm đầy thanh âm, hương sắc, gió, trăng,...)  Sự mãn nguyện với hạnh phúc đơn sơ. | | Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giời, với đất. Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này! | Niềm xao xuyến bâng khuâng khó tả, nhớ tiếc niềm vui hiện có hiếm hoi, mong ước thiết tha: mọi mùa hè đểu chan chứa niềm vui lao xao như thế. |   Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | *3.3. Cảnh sinh hoạt buổi chiều và tối ở làng quê.*  - Hoạt động: tắm suối, ăn cơm tối giữa sân, giải chiếu ngủ bên hiên nhà.  - Tâm trạng: vui vẻ, đầm ấm, mãn nguyện với hạnh phúc đơn sơ.  🡪 Niềm xao xuyến bâng khuâng khó tả, nhớ tiếc niềm vui hiện có hiếm hoi, mong ước thiết tha: mọi mùa hè đểu chan chứa niềm vui lao xao như thế. |

Hoạt động 5: Tổng kết văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  NV3: Tổng kết văn bản  GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  *+ Xác định chủ đề của văn bản Lao xao ngày hè.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | III. Tổng kết  *1. Nội dung – Ý nghĩa:*  - Một bức tranh thiên nhiên sinh động, tràn đầy sức sống. Bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.  *2. Nghệ thuật*  - Quan sát tinh tế, lựa chọn chi tiết tiêu biểu, vốn hiểu biết phong phú, miêu tả tự nhiên, sinh động và hấp dẫn. Sử dụng nhiều yếu tố dân gian như đồng dao, thành ngữ.  - Lời văn giàu hình ảnh.  - Sử dụng các phép tu từ so sánh, nhân hóa; từ ngữ chắt lọc tinh tế. |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:09-10

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:27,28

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng, vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và khi nói.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện cụm từ và chỉ ra tác dụng của phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

GV đưa ra ví dụ và yêu cầu HS quan sát:

*"Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

*Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng"*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Từ "Mặt trời" trong hai dòng thơ có mang ý nghĩa giống nhau không? Tại sao tác giả lại sử dụng cách nói như vậy? Cách nói như vậy gọi là gì? Bài học ngày hôm nay sẽ cùng tìm hiểu biện pháp tu từ này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a) Mục tiêu: HS nắm được khái niệm cụm từ và cách mở rộng thành phần chính của câu.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Tìm hiểu phép tu từ ẩn dụ  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  *+ Hãy quan sát ví dụ sau và trả lời câu hỏi:*  Anh đội viên nhìn Bác Càng nhìn lại càng thương Người Cha mái tóc bạc Đốt lửa cho anh nằm  + *Trong đoạn thơ, cụm từ "Người Cha" dùng để chỉ ai?*  + *Vì sao có thể dùng "Người Cha" để chỉ Bác Hồ?*  + *Nếu không đặt câu thơ đó trong văn cảnh (bài thơ) liệu chúng ta có hiểu "Người Cha" là ai không?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  - Người cha: để chỉ Bác Hồ  - Mục đích: Thể hiện tình cảm của Bác Hồ với các anh bộ đội như tình cha con; Tình cảm kính yêu, biết ơn của các chiến sĩ với Bác.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  NV2: Tìm hiểu phép tu từ hoán dụ  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: GV yêu cầu HS đọc các VD.  **Áo nâu** cùng với **áo xanh**  **Nông thôn**cùng với **thị thành** đứng lên.  - GV chú ý HS các từ in đậm: áo nâu, áo xanh  - GV đặt câu hỏi:  *+ Nếu tách các từ áo nâu, áo xanh ra khỏi câu thơ thì chúng có ý nghĩa như thế nào?*  + *Trong câu thơ trên, những từ ngữ đó chỉ đối tượng nào?Vì sao?*  + *Như vậy giữa áo nâu và áo xanh với người nông dân và công nhân có mối quan hệ?*  + *Em nhận xét gì về cách gọi tên của các sự vật đó?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  áo nâu: áo màu nâu chỉ màu sắc áo  áo xanh: áo màu xanh  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Gv giải thích thêm: Người nông dân và công nhân *( sự vật được chỉ)*  + Người nông dân mặc áo nâu *Dấu hiệu SV*  + Người công nhân mặc áo xanh  - GV bổ sung: Giữa áo nâu, áo xanh, nông thôn, thị thành có mối quan hệ gần gũi  + Nông dân gọi áo nâu; CN gọi áo xanh  + Nơi ở người nông dân- nông thôn  + Nơi ở người CN - thị thành  NV3: So sánh biện pháp từ ẩn dụ và hoán dụ  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, so sánh biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ theo phiếu học tập sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung | Ẩn dụ | Hoán dụ | | Định nghĩa (là gì? Thế nào?) |  |  | | Cơ chế (được tạo ra theo cách nào?) |  |  | | Tác dụng |  |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ:  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Ẩn dụ  *1. Xét ví dụ*  *2. Nhận xét*  - Ẩn dụ là gọi tên sự vật, sự việc này bằng tên sự vật, sự việc khác có nét tương đồng nhằm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt.  II. Hoán dụ  *Xét ví dụ*  *2. Nhận xét*  - Hoán dụ: Cách gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác. |

Bảng đôi chiếu ân dụ và hoán dụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Ẩn dụ | Hoán dụ |
| Định nghĩa (là gì?  Thế nào là...?) | là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đổng với nó. | là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó. |
| Cơ chế (... được tạo ra theo cách nào?) | dựa trên mối quan hệ tương đổng giữa các sựvật, hiện tượng. | dựa trên mối quan hệ gần gũi giữa các sự vật, hiện tượng. |
| Tác dụng (có tác dụng gì?) | làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo. | làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt, sáng tạo. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| NV1: Bài tập 1  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV cho mỗi HS tìm ví dụ cho mỗi biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ).  - Gv làm mẫu thông qua ví dụ từ trong bài *Lao xao ngày hè. Sau đó yêu cầu HS tự tìm thêm ví dụ trong VB.*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  NV2: Bài tập 2  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV tổ chức hướng dẫn HS làm bài tập 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV3: Bài tập 3  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. GV phân công HS làm theo nhóm  Nhóm 1: ý a  Nhóm 2: ý b  Nhóm 3: ý b  Nhóm 4: ý d  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  NV4: Bài tập 4  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4. GV yêu cầu HS tự suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV giao bài tập về nhà cho HS: bài tập 5,6,7/trang 121 | Bài tập 1/ trang 121  - HS tự tìm ví dụ.  - Chỉ ra điểm giống và khác nhau:  + Giống: cả hai biện pháp đều dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng.  + Khác:  So sánh có đủ hai vế A và B (cái được so sánh, cái dùng để so sánh và từ so sánh).  Ẩn dụ: chỉ có vế B (cái dùng để so sánh và từ so sánh).  Bài 2/ trang 121  a. Biện pháp ẩn dụ trong đoạn văn: "Kẻ cắp hôm nay gặp bà già" và "người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm"  Kẻ cắp: chỉ chim chèo bẻo  Bà già: chỉ đối thủ kình địch của chim chèo bẻo (chính là chim diều hâu)  b. Nét tương đồng  Giữa bà già và diều hâu: để chỉ sự lọc lõi, ác độc. (sự giống nhau dựa trên bản chất là xấu xa)  Giữa chèo bẻo, kẻ cắp: ban đêm ngày mùa, thức đêm suốt để rình mò như kẻ cắp.  Người có tội - người tốt: ẩn dụ chỉ chim chèo bẻo qua việc vây đánh diều hâu, lập công cứu gà con (dựa trên bản chất).  Tác dụng của phép ẩn dụ: làm tăng sức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt, khiến cho thế giới các loài chim hiện lên sinh động, bộc lộ được những đặc điểm giống như con người.  Bài 3/ trang 121  a. cả làng xóm (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ người trong xóm  b. đõ ong (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ những con ong trong đõ  c. thành phố (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ người dân sống trong thành phố  d. nhà trong, nhà ngoài (lấy vật chứa để gợi vật được chứa ), chỉ những thân sống ở nhà trong và nhà ngoài  Bài 4/trang 121  - “Mắt xanh” gợi cho ta liên tưởng đến hình ảnh chiếc lá trầu giống đôi mắt con người.  🡪 phép nhân hóa |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một loài cây hoa một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn đó có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ.

GV hướng dẫn HS hoàn thiện ở nhà. Yêu cầu HS đảm bảo các yêu cầu:

- Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức, diễn đạt (sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ)

- Lựa chọn đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân: (viết về cây hoa thì là hoa gì?, viết về con vật thì là con vật nào?); lựa chọn nhanh biện pháp tu từ cần sử dụng (nhân hoá/ẩn dụ/hoán dụ?).

- Viết bản thảo đoạn văn đồng thời đọc lại và chỉnh sửa nhanh.

GV nhận xét, đánh giả và gợi ý hướng chỉnh sửa.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:10

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT:29,30

ÔN TẬP BÀI 5

Mục tiêu

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Hiểu được các đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại.

- Hiểu được các đặc điểm của một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

- Nắm được cách viết/trình bày bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của truyện đồng thoại, của bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

- Năng lực viết/ trình bày bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS nhớ lại các văn bản đã học trong chủ đề: hững trải nghiệm trong đời.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn tập các kiến thức trong bài 4.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập về đọc

a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung, các sự kiện đặc sắc của các văn bản đã học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  NV1: Câu 1  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, ghép các phần nội dung phù hợp với ba văn bản và trình bày.   |  |  | | --- | --- | | Văn bản | Nội dung | | Bài học đường đời đầu tiên |  | | Giọt sương đêm |  | | Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ |  |   NV2: Câu 2, 3  - GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, cho HS thảo luận: *Theo em, cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản trên có gì giống và khác nhau?*  *- Trong ba văn bản trên, văn bản nào thuộc thể loại truyện đồng thoại? Dựa vào đâu, em cho là như vậy?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV chuẩn kiến thức: | I. Ôn tập văn bản  1. Nội dung các văn bản đã học  2. Cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản.  - Giống nhau: các nhân vật đều có những trải nghiệm từ cuộc sống và qua đó, mỗi nhân vật đều rút ra được cho bản thân những bài học quý giá.  - Khác nhau:  + Bài học đường đời đầu tiên: nhân vật đã trải qua vấp ngã, sai lầm khiến bản thân phải ân hận. Từ đó rút ra được bài học cho chính mình.  + Giọt sương đêm: nhân vật đã trải qua một đêm thức trắng và sực tỉnh, nhận ra điều mình lãng quên từ lâu.  + Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ: nhân vật đã có những cảm nhận sâu sắc về cuộc sống thông qua những trải nghiệm từ thiên nhiên, con người xung quanh mình. |

Tóm tắt nội dung các văn bản đã học

|  |  |
| --- | --- |
| Văn bản | Nội dung chính |
| Bài học đường đời đầu tiên | Văn bản miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính cách kiêu căng xốc nổi đã gây ra cái chết của Dế Choắt . Dế Mèn hối hận và rút ra bài học  cho mình. |
| Giọt sương đêm | Văn bản kể về Bọ Dừa đến xóm Bờ Giậu để tìm một chỗ trọ. Bọ Dừa đã quyết định ngủ tạm ngoài vòm trúc và trong đêm ấy ông đã cảm nhận được những âm thanh, hình ảnh quen thuộc và đặc biệt là giọt sương đêm rơi khiến ông tỉnh giấc, sực nhớ quê nhà. Sáng hôm sau ông đã quyết định trở về quê. |
| Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Truyển kể về nhân vật tôi đã được người cha hướng dẫn những cách cảm nhận về cuộc sống, nhắm mắt sờ từng bông hoa rồi tập đoán, ngửi mùi hương và đoán tên hoa, những món quà… Qua đó thấy được tình yêu thương người cha dành cho đứa con. |

Hoạt động 2: Ôn tập về viết

a) Mục tiêu: HS nắm được cách trình bày bài viết hoặc nói.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: HS làm việc cá nhân vẽ sơ đồ vào vở và điền những đặc điểm của kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân.  - HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | I. Ôn tập viết |

Sơ đồ vào vở và điền những đặc điểm của kiểu bài kể lại trải nghiệm của bản thân



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV đặt câu hỏi cho HS:*  Em rút ra bài học kinh nghiệm gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

- Trong cuộc sống những trải nghiệm sẽ giúp ta có thêm kinh nghiệm sống, cảm nhận thiên nhiên, con người và cuộc sống trọn vẹn hơn.

- Hiểu được những giá trị trong cuộc sống và hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình hơn.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV hướng dẫn HS:*  Qua những gì đã học trong bài này, em nghĩ gì về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống của chúng ta.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình thức đánh giá | Phương pháp  đánh giá | Công cụ đánh giá | Ghi chú |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:11

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT: 31,32,33

**ÔN TẬP THƠ**

**(THƠ LỤC BÁT)**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ LỤC BÁT**

**Câu hỏi ôn tập**: Em hãy nhắc nhanh lại những yếu tố hình thức của một bài thơ nói chung và những đặc điểm của thể thơ lục bát.

**Gợi ý trả lời**

**1. Một số yếu tố hình thức của bài thơ**

- Dòng thơ gồm các tiếng được sắp xếp thành hàng; các dòng thơ có thể giống hoặc khác nhau về độ dài, ngắn.

- Vần là phương tiện tạo tính nhạc cơ bản của thơ dựa trên sự lặp lại (hoàn toàn hoặc không hoàn toàn) phần vần của âm tiết. Vân có vị trí ở cuối dòng thơ gọi là vần chân, ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng.

- Nhịp là những điểm ngắt hơi khi đọc một dòng thơ. Ngắt nhịp tạo ra sự hài hoà, đồng thời giúp hiểu đúng ý nghĩa của dòng thơ.

**2. Đặc điểm của thơ lục bát**

* Lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc Việt Nam, có sức sống mãnh liệt, mang đậm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam.
* ***Số câu, số chữ mỗi dòng:*** Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).
* ***Gieo vần:***

+ Gieo vần chân và vần lưng.

+ Tiếng thứ sáu của dòng lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng bát, tiếng thứ tám của dòng bát gieo vần xuống tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo

* ***Ngắt nhịp:***  thường ngắt nhịp chẵn (mỗi nhịp hai tiếng)

**3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ lục bát**

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điểu gì khi đọc hiểu một bài thơ lục bát?

**Văn bản *À ơi tay mẹ* (Bình Nguyên)**

1. **TÁC GIẢ BÌNH NGUYÊN**

- Tên thật là Nguyễn Đăng Hào, sinh ngày 25 tháng 1 năm 1959.

- Quê quán: xã Ninh Phúc, TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông vừa là nhà thơ, vừa là nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam.

- Hiện nay tác giả Bình Nguyên đang làm Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình.

- Sự nghiệp:

+ Đã nhận tới hai giải “Thơ lục bát” (Giải A-2003; Giải Ba-2010) trên báo Văn Nghệ.

+ Các tác phẩm thơ chính:Hoa Thảo Mộc (2001); Trăng đợi (2004); Đi vè nơi không chữ (2006); Lang thang trên giấy (2009); Những ngọn gió đồng (2015); Trăng hẹn một lần thu (2018)…

1. **VĂN BẢN “*À ƠI TAY MẸ*”**
2. **Xuất xứ :** 2003, bài thơ được tác giả gửi dự thi Thơ lục bát trên báo Văn Nghệ
3. **Thể loại: Thơ lục bát**

* Thơ lục bát là thể thơ truyền thống của dân tộc. Mỗi bài thơ ít nhất gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng sáu tiếng (dòng lục) và dòng tám tiếng (dòng bát).
* Bài thơ mang âm hưởng ca dao dân ca Việt Nam, giúp tác giả bộc lộ được tình mẫu tử giản dị mà sâu lắng, tha thiết.

1. **Bố cục văn bản**: 02 phần:

* **Phần 1**: từ đầu… “À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”: Vẻ đẹp đôi bàn tay mẹ
* **Phần 2:** Còn lại: Ý nghĩa lời ru của mẹ

1. **Nội dung chính**

* Bài thơ À ơi tay mẹ (Bình Nguyên) là bài thơ bày tỏ tình cảm của người mẹ với đứa con nhỏ bé của mình. Qua hình ảnh đôi bàn tay và những lời ru, bài thơ đã khắc họa thành công một người mẹ Việt Nam điển hình: vất vả, chắt chiu, yêu thương, hi sinh...đến quên mình.
* Qua bài thơ, người đọc thấy được tình mẫu tử giản dị mà thiêng liêng, bồi đắp cho HS về ý nghĩa cao cả của tình mẫu tử trong cuộc sống.

1. **Đặc sắc nghệ thuật:**

* Thể thơ lục bát nhịp nhàng như lối hát ru con.
* Phối hợp hài hòa các biện pháp tu từ: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc.

1. **ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu tự những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu

Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

**1. Dàn ý:**

|  |
| --- |
| **1.1. Nêu vấn đề:** giới thiệu tác giả, văn bản, và vấn đề bàn luận của văn bản. |
| **1.2. Giải quyết vấn đề:**  **B1: Khái quát về văn bản:** chủ đề, thể thơ, bố cục văn bản, chủ đề, … |
| **B2: Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:**  **a. Vẻ đẹp của hình ảnh đôi tay mẹ**  **\**Bàn tay mẹ trước giông bão cuộc đời*:**  Bàn tay mẹ chắn mưa sa  Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.   * Các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng:   + **Hình ảnh hoán dụ:** “Bàn tay mẹ” để chỉ mẹ với bao phẩm chất tốt đẹp, hết lòng hi sinh vì con.  + **Các hình ảnh ẩn dụ**: " mưa sa"; " bão qua mùa màng"🡺 Đây là những hình ảnh thiên nhiên thường gặp trong cuộc sống thường ngày, song cũng là hình ảnh biểu tượng cho những vất vả, khó khăn, thử thách trong cuộc đời.  **+ Các động từ mạnh: “chắn”, “chặn**”đã diễn tả sự mạnh mẽ, kiên cường của mẹ trước bão giông, thử thách của cuộc đời.  Ở hai câu thơ đầu đã vẽ ra hai thế giới đối lập nhau: thế giới bên ngoài bàn tay mẹ với bao bão gió, mưa sa dữ dội; còn thế giới bên trong bàn tay mẹ là thế giới của bình yên, dịu êm khi có mẹ che chở.  → Bàn tay mẹ đã chống đỡ lại mọi giông bão cuộc đời để con được bình an trưởng thành: mẹ “chắn mưa sa”; mẹ “chặn bão qua mùa màng”. Bàn tay mẹ chính là vòm trời bình yên của con. Ở hai câu thơ đầu, người đọc còn thấy sự đối lập giữa bàn tay nhỏ bé của mẹ với bao bão giông, mưa sa dữ dội, khắc nghiệt của thiên nhiên, cuộc đời. Mẹ vượt qua tất thảy vì lòng yêu thương con lớn lao, vô bở.  🡺 Như vậy, qua hai câu thơ đầu, người đọc thấy hình ảnh mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Đó chính là sức mạnh phi thường, bản năng của người làm mẹ.  **\* *Bàn tay mẹ dịu dàng nuôi nấng con:***  Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon À ơi này cái trăng tròn À ơi này cái trăng còn nằm nôi...  **+ Phó từ “vẫn”** cho thấy bàn tay mẹ thật diệu kì: Trước bão giông cuộc đời, bàn tay mẹ mạnh mẽ, quyết liệt “chắn”, “chặn”; vậy mà trước con vẫn bàn tay ấy của mẹ lại dịu dàng biết bao.  **+Từ láy “dịu dàng**”: diễn tả hành động nhẹ nhàng, có thể gợi ra nhịp đưa nôi khẽ khàng, đem đến cảm giác dễ chịu. Trong vòng tay mẹ, con được vỗ về, yêu thương.  **+ Từ láy “à ơi**” được lặp lại 3 lần, đứng đầu 3 dòng thơ tạo điệp khúc ngân nga, khiến cho giai điệu lời ru thêm ngọt ngào, thơ thiết, đưa con vào giấc ngủ say nồng.  **+ Mẹ gọi con** là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi. Đây là cách gọi đưa con bé bỏng đầy yêu thương, trìu mến, chứa đựng sự trân quý, nâng niu của mẹ. Có con, cuộc đời của mẹ trở nên trọn vẹn, hạnh phúc.  → Như vậy, trái ngược với vẻ cứng rắn khi đối mặt với cuộc đời, mẹ luôn dịu dàng, yêu thương con.  **c. Bàn tay mẹ nhiệm màu, hi sinh vì con**  Bàn tay mẹ thức một đời À ơi này cái mặt trời bé con... Mai sau bể cạn non mòn À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.  Và  Bàn tay mang phép nhiệm mầu Chắt chiu tự những dãi dầu (2) đấy thôi.  + Nếu như ở khổ thơ trên (ý b), mẹ gọi con là cái trăng vàng, cái trăng tròn, cái trăng còn nằm nôi thì đến khổ thơ này, mẹ gọi con là “cái mặt trời bé con”. Hình ảnh ẩn dụ “cái mặt trời bé con” đã khẳng định một điều con chính là ánh sáng cuộc đời mẹ, là mặt trơi, là nguồn sống của mẹ. Hình ảnh thơ khiến ta nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng” ( Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ). Lời thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu thương con bao la của mẹ.  + Thành ngữ “bể cạn non mòn" gợi sự thay đổi lớn lao của thiên nhiên, của cuộc đời. Dù cho vũ trụ có xoay vần, đời người dâu bể thì tình yêu của mẹ với con sẽ mãi luôn đong đầy trời bể, “à ơi tay mẹ vẫn còn hát ru”.  + Hình ảnh “Bàn tay mang phép nhiệm màu” cho thấy bàn tay mẹ như bàn tay của bà tiên trong cổ tích, đem lại bao điều tốt đẹp cho cuộc đời con. Nhưng bàn tay của mẹ không phải trong cổ tích mà tồn tại ngay giữa đời thường, "chắt chiu từ những dãi dầu" của cuộc đời. Từ láy “chắt chiu” đã diễn tả sự giữ gìn, nâng niu của mẹ. Mẹ nhận hết về mình bao cay đắng, đối mặt với bao mưa sa, bão giông, trải qua bao dãi dầu, nhọc nhằn, “thức một đời” để chắt chiu những gì đẹp đẽ, an lành nhất cho con, bao bọc, vỗ về và chở che cho con.  → Người mẹ vất vả, chắt chiu một đời để nuôi nấng con dù cho bất cứ điều gì xảy ra.  **\* *Ý nghĩa lời ru của mẹ***  Ru cho mềm ngọn gió thu Ru cho tan đám sương mù lá cây Ru cho cái khuyết tròn đầy Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.  Ru cho sóng lặng bãi bồi Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu Ru cho đời nín cái đau  À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.  ***\*Lời ru thể hiện nỗi niềm của mẹ lo nghĩ cho tất cả mọi người:***  -**Nghệ thuật:**  **+** Điệp cấu trúc: "Ru cho" giúp bài thơ mang âm điệu như lời ru, thể hiện tình cảm chan chứa của mẹ dành cho con.  + Ẩn dụ "cái khuyết tròn đầy", nhân hóa "đời nín cái đau".  + Nhịp thơ như lời hát, uyển chuyển, sâu lắng.  →**Tác dụng:**  + Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Thể hiện sự hi sinh cao cả của mẹ không chỉ với con mà là với người thân, với cả cộng đồng. |
|  |

Ngày soạn: …/…/… Tuần:12

Ngày dạy: …/…/… Tiết PPCT: 34,35,35

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Đề bài 01: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Bàn tay mẹ chắn mưa sa   
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.

Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng  
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon  
À ơi này cái trăng tròn  
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con...  
Mai sau bể cạn non mòn  
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định phương thức biều đạt chính trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ nào?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Bàn tay mẹ thức một đời  
À ơi này cái mặt trời bé con…

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, em có cảm nhận gì về tình cảm của người mẹ dành cho con.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:**Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ: *cái trăng vàng; cái trăng tròn; cái trăng còn nằm nôi; cái mặt trời bé con.*

**Câu 3:**

* Hình ảnh ẩn dụ: *cái mặt trời bé con* 🡪 Chỉ người con
* Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh sự quan trọng của người con đối với mẹ.

+ Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất.

**Câu 4:** Qua đoạn thơ, ta thấy được tình yêu thương lớn lao của mẹ dành cho con**.** Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Song với con, lúc nào mẹ cũng dịu dàng, dành tình yêu thương cho con suốt một đời dù cho bất cứ điều gì xảy ra.

**Đề bài 02: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Ru cho mềm ngọn gió thu  
Ru cho tan đám sương mù lá cây  
Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

Bàn tay mang phép nhiệm mầu  
Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.

Ru cho sóng lặng bãi bồi  
Mưa không dột chỗ ngoại ngồi vá khâu  
Ru cho đời nín cái đau

À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

**Câu 1:** Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích gì?

**Câu 3:** Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

Ru cho cái khuyết tròn đầy  
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.

**Câu 4:** “*Bàn tay mang phép nhiệm mầu / Chắt chiu từ những dãi dầu đấy thôi.”.* Em có đồng ý với tác giả không? Vì sao?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1**: Thể thơ lục bát.

**Câu 2**: Trong đoạn trích, lời ru của mẹ hướng đến những mục đích sau:

+ Mềm ngọn gió thu, tan đám sương mù lá cây.

+ Ru cho con mau lớn khôn, trưởng thành (Cái khuyết tròn đầy)

+ Ru cho nỗi thương nhớ được lấp đầy (cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau)

+ Sóng lặng bãi bồi, mưa không dột cho bà ngồi

+ Đời nín cái đau

**Câu 3**:

* Hình ảnh ẩn dụ: “*Cái khuyết* ” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.
* Tác dụng:
* + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.
* + Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.
* + Thể hiện tình cảm ca ngợi, trân trọng của tác giả với tình mẫu tử thiêng liêng.
* **Câu 4:** HS nêu quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý. Nêu lí do.
* Ví dụ: HS đồng ý với tác giả. *Bởi vì:* Đôi bàn tay mẹ làm nên bao điều kì diệu, phi thường. Cả đời mẹ vất vả vì con, lam lũ nhọc nhằn chịu mọi đắng cay, nguyện hi sinh cả cuộc đời để cho con có cuộc sống tốt đẹp. Chính vì thế nói rằng đôi bàn tay mẹ đã chịu những dãi dầu nắng mưa là đúng.
* **Đề đọc hiểu văn bản thơ ngoài SGK:**

**Đề bài 03: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Lặng rồi cả tiếng con ve*

*Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.*

*Nhà em vẫn tiếng ạ ời*

*Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.*

*Lời ru có gió mùa thu*

*Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.*

*Những ngôi sao thức ngoài kia*

*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.*

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(*Mẹ*, Trần Quốc Minh)

**Câu 1:** Bài thơ viết theo thể thơ nào?

**Câu 2**: Nêu nội dung chính của bài thơ.

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Đêm nay con ngủ giấc tròn,*

*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*

**Câu 4:** Theo em, tình cảm của của tác giả được thể hiện trong bài thơ trên là gì? Từ đó em rút ra bài học gì cho bản thân ?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể thơ : Lục bát

**Câu 2:**

Đoạn thơ đã nói lên tình yêu bao la, sự hi sinh và những công lao vĩ đại mẹ đã dành cho con

**Câu 3:**

* Biện pháp tu từ :

+ So sánh

*Đêm nay con ngủ giấc tròn*

*Mẹ****là****ngọn gió của con suốt đời.*

+ Ẩn dụ: "giấc tròn": "giấc tròn" không phải chỉ là giấc ngủ của con mà còn mang ý nghĩa cuộc đời con luôn có mẹ theo sát bên nâng bước con đi, che chở cho con, dành tất thảy yêu thương.

* Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho cách diễn thêm thêm sinh động, gợi hình gợi cảm.

+ Nhấn mạnh được tình yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho con, mẹ theo sát, bên con suốt cuộc đời.

**Câu 4:** HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình.

- Thái độ tác giả : thấy thương mẹ, cảm nhận được bao nỗi nhọc nhằn của mẹ; biết ơn tình yêu thương bao la của mẹ.

- Bài học cho bản thân: Tình mẫu tử là nguồn sống vô giá, giúp ta vững vàng trong cuộc sống. Do đó, mỗi người cần biết yêu thương mẹ nhiều hơn, cố gắng trở thành học sinh ngoan, học giỏi để cha mẹ vui lòng.